

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 09
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	10 - 12
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	13
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	14 - 15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	16 - 73

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09/07/2025
Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 09/07/2025
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên	
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên	

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Anh Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/07/2025
Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09/07/2025
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	

#### **Đại diện pháp luật**

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 09/07/2025 Tổng Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Cảnh Tĩnh - Tổng Giám đốc. Từ ngày 10/07/2025 Tổng Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Cảnh Tĩnh - Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Lê Anh Sơn - Tổng Giám đốc.

#### **Ban kiểm soát**

Ông Lương Đình Minh	Trưởng ban
Bà Phan Thị Nhị Hà	Kiểm soát viên
Ông Phạm Cao Nhuệ	Kiểm soát viên

#### **Kế toán trưởng**

Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban Tài chính - Kế toán
------------------	--------------------------------

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.


Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tính hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Lê Anh Sơn**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026



Số: 196/2026/UHY-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 12 tháng 03 năm 2026, từ trang 10 đến trang 73 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

**Tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông - Công ty con của Tổng Công ty ("Biển Đông")**

Liên quan đến chênh lệch số dư gốc vay và nợ vay phải trả Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy ("VFC")



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Theo thư xác nhận độc lập mà chúng tôi nhận được từ Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy (“VFC”) ghi nhận số dư gốc cho vay và lãi phải thu Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông (“Biển Đông”) liên quan đến Dự án tàu Container 1730 TEU V22 lớn hơn số liệu trên sổ sách do Biển Đông theo dõi tại thời điểm 31/12/2025 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 67.863.415,56 USD, tại thời điểm 01/01/2025 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 63.541.824,47 USD.

Nguyên nhân là do Biển Đông đã thực hiện chuyển nợ gốc và lãi vay phải trả VFC sang Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (“Bạch Đằng”) theo biên bản bàn giao ký ngày 05/08/2015 với Bạch Đằng. Tuy nhiên, VFC chưa thực hiện chuyển đổi tương ứng nợ mà vẫn theo dõi nợ gốc và tính lãi vay phát sinh sau thời điểm 05/08/2015 cho Biển Đông nên xảy ra tình trạng chênh lệch nợ gốc và lãi tại thời điểm lập báo cáo tài chính nêu trên.

Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cho các số dư tại thời điểm đầu năm, số liệu phát sinh trong năm và số dư cuối năm của các khoản vay và chi phí lãi vay phải trả này.

Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này và các ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo hay không (xem thêm tại Thuyết minh số 20 và số 24).

*Liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch giữa nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng với số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)*

Trước năm 2017, Biển Đông áp dụng hướng dẫn của công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/9/2015 của Bộ tài chính (công văn 751) v/v hướng dẫn kế toán phần chênh lệch giữa giá trị khoản nợ theo sổ sách kế toán và giá trị nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (“DATC”). Theo đó, khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ với DATC với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Biển Đông.

Từ năm 2018 đến năm 2021, Biển Đông chuyển sang áp dụng các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, theo đó khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ DATC với giá trị khoản gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Từ năm 2022 tới 2023, Biển Đông áp dụng hướng dẫn của Thông tư số 46/2021/TT-BTC ngày 23/6/2021, công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/9/2015, công văn số 5883 /BTC-TCDN ngày 08/5/2017, công văn số 1440/BTC-TCDN ngày 08/02/2021 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ với DATC với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Biển Đông.

Nếu Biển Đông áp dụng nhất quán quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc ghi nhận các khoản này thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2025, chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống 2.166,24 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tăng lên tương ứng và tại ngày 31/12/2025, chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống 2.166,24 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tăng lên tương ứng.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất các nội dung sau:

- Tại thuyết minh số 1.5 - Cấu trúc Tổng Công ty: Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn - Công ty con của Tổng Công ty được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đang phản ánh giá trị khoản đầu tư vào Công ty con này là 415,46 tỷ VND. Đây là giá trị mà Tổng Công ty đã chuyển trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (“Hợp Thành”) theo các quy định của hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu cổ phần. Đến ngày 31/12/2025, Tổng Công ty và Hợp Thành vẫn đang trong quá trình trao đổi, xem xét về giá trị lợi ích hợp pháp của Hợp Thành trong giai đoạn tham gia đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.
- Tại thuyết minh 2.1 - Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Các báo cáo tài chính của một số Công ty con, Công ty liên kết được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của các Công ty này. Các báo cáo tài chính của các đơn vị này đang được lập và trình bày trên giả định hoạt động liên tục.
- Như trình bày tại thuyết minh 11 - Các khoản đầu tư tài chính, Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty (Cảng Sài Gòn), đang theo dõi khoản đầu tư góp vốn bằng tài sản là 600m cầu tàu K6, K7, K8, K9, K10 tại Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô Thị Ngọc Viễn Đông (“Công ty Ngọc Viễn Đông”) với giá trị góp vốn được xác định là hơn 300 tỷ đồng (tương đương tỷ lệ góp vốn 5,6%). Cảng Sài Gòn không thu thập được các Báo cáo tài chính của Công ty Ngọc Viễn Đông từ năm 2021 đến nay. Tuy nhiên, các tài sản góp vốn là hơn 600m cầu cảng từ K6 đến K10 tại Khu Nhà Rồng - Khánh Hội vẫn đang được Công ty tiếp tục quản lý, khai thác, kinh doanh và Công ty Ngọc Viễn Đông cam kết chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất có liên quan đối với Nhà nước theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/08/2017 giữa Công ty Ngọc Viễn Đông và Cảng Sài Gòn. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản đầu tư này không bị suy giảm giá trị.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 17 - Xây dựng cơ bản dở dang, “Dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I” được triển khai từ năm 2002 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu 230,3 tỷ đồng; “Dự án đầu tư xây dựng cảng Cái Cui giai đoạn II” được triển khai từ năm 2009 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 829,8 tỷ đồng. Việc đầu tư 02 dự án đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu và hiện vẫn chưa hoàn thành. Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Công ty con của Tổng Công ty đang tiếp tục triển khai đầu tư để hoàn thành đưa các hạng mục dự án vào sử dụng vào hoạt động kinh doanh.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 19 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: Cảng Sài Gòn đã tạm tính các chi phí phải nộp liên quan đến tiền thuê đất tại Khu vực Cảng Nhà Rong - Khánh Hội tính đến thời điểm Công ty ký thỏa thuận với Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô Thị Ngọc Viễn Đông (“Ngọc Viễn Đông”) (chủ đầu tư dự án Khu Cảng Nhà Rong - Khánh Hội) theo Quyết định chủ trương đầu tư số 6815/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh). Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Cảng Sài Gòn đang tiếp tục làm việc với cơ quan thuế về cơ sở tính tiền thuê đất phải nộp.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 22 (3) và 22 (4) - Phải trả phải nộp khác: Cảng Sài Gòn đã tiếp nhận tiền ứng vốn từ Ngân sách Nhà nước và Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông để phục vụ đầu tư dự án xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước, thuộc quản lý của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước - Công ty con của Cảng Sài Gòn. Đến thời điểm hiện tại dự án này vẫn đang được triển khai xây dựng.
- Tại thuyết minh 22(6) - Phải trả phải nộp khác và 24(1) - Vay và nợ thuê tài chính, đến thời điểm hiện tại tại Dự án Nhà máy đóng tàu Hậu Giang của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang đã bị dừng vĩnh viễn theo văn bản số 403/TTg-KTN ngày 29/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Liên quan đến nguồn vốn dùng để đầu tư dự án này, Công ty đang thực hiện ghi nhận lãi suất tái cơ cấu căn cứ Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ. Tuy nhiên các bên cho vay/ứng vốn gồm: Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (VFC), Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy (SBIC) chưa thực hiện cơ cấu nợ theo nghị quyết nêu trên.
- Tại Thuyết minh số 24 (2) - Vay và nợ thuê tài chính và Thuyết minh số 7 - Phải thu về cho vay: Tại ngày 31/12/2025, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty phản ánh khoản Phải thu về cho vay Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA (“SP-PSA”) trị giá nguyên tệ là 4.950.000 USD (tại Công ty mẹ - Tổng Công ty) và 11.880.000 USD (tại Cảng Sài Gòn), đồng thời phản ánh khoản vay Công ty PSA Việt Nam Pte., Ltd (“PSA Việt Nam”) với cùng số tiền theo Hợp đồng vay cổ đông ngày 26/08/2008, tương ứng với tỷ lệ vốn góp 15% của Tổng Công ty và 36% của Công ty CP Cảng Sài Gòn tại Công ty TNHH Cảng quốc tế SP PSA. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty và Cảng Sài Gòn vẫn đang tiếp tục làm việc với các bên để thống nhất ký lại phụ lục hợp đồng và cơ sở tính số lãi phải thu và lãi phải trả tương ứng.
- Như đã nêu tại Thuyết minh số 37.3 - Thông tin khác:
  - + Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng Công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng Công ty đã hoàn thành hồ sơ và đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo có thể thay đổi theo ý kiến của các cấp có thẩm quyền.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

- + Tại ngày 31/12/2025, số liệu tại chỉ tiêu “Tài sản cố định hữu hình” (mã số 221) bao gồm các tài sản thuộc cầu cảng số 04, số 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng – công ty con của Tổng Công ty (“Cảng Hải Phòng”) với tổng nguyên giá 279,7 tỷ đồng và giá trị còn lại 133,81 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành các tài sản này được ghi nhận tại chỉ tiêu “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn” (mã số 338) với giá trị 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Ngày 4/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Theo đó, Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản số 12000/BXD-KHTC ngày 21/10/2025 đề nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) nghiên cứu, rà soát các phương thức khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ bảo đảm phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý, khai thác các cầu cảng và tuân thủ quy định pháp luật. Đồng thời, Bộ Xây dựng yêu cầu Ban Quản lý dự án cảng Hải Phòng nghiên cứu ý kiến của Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 3878/CHP-TCKT ngày 19/09/2025 về phân bổ chi phí cho gói thiết bị.

Trên cơ sở chỉ đạo này, Tổng Công ty đã yêu cầu Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Cảng Hải Phòng nghiên cứu, rà soát xây dựng phương án khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ. Trên cơ sở ý kiến của Cảng Hải Phòng, đánh giá ưu, nhược điểm của từng phương án, VIMC đã có Văn bản số 1753/HHVN-TCKT ngày 06/11/2025 báo cáo Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về các phương án quản lý khai thác tài sản bến số 4, số 5 Cảng Chùa Vẽ.

Theo nội dung buổi làm việc ngày 29/12/2025 giữa Bộ Xây dựng, Tổng Công ty và Cảng Hải Phòng, trên cơ sở đề xuất của Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 5222/CHP-TCKT ngày 31/12/2025 về phương án xử lý tài sản bến số 4, bến số 5 Cảng Chùa Vẽ, VIMC đã có văn bản số 16/HHVN-TCKT ngày 08/01/2026 trình Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam cập nhật nội dung liên quan đến phương án xử lý các tài sản nêu trên.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, cơ quan quản lý nhà nước chưa ban hành quyết định về hình thức quản lý đối với cầu cảng số 04, số 05 và bãi container thuộc Bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Căn cứ Điều 55 Luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 quy định văn bản pháp luật không được áp dụng hiệu lực trở về trước trong trường hợp phát sinh trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà tại thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật chưa quy định trách nhiệm pháp lý, việc ghi nhận chính thức tài sản và chi phí liên quan đến cầu cảng số 4 và số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ sẽ được thực hiện khi cơ quan quản lý nhà nước ban hành quyết định chính thức về hình thức quản lý đối với các tài sản này.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

- Bên cạnh đó, như đã trình bày tại Thuyết minh số 37.3 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm ảnh hưởng ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



**Lê Quang Nghĩa**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số 3660-2026-112-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

**Trịnh Thị Trang**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số 4061-2022-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>15.402.016.388.446</b>	<b>13.250.276.250.627</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.899.342.887.995	3.255.012.146.283
Tiền	111		2.215.388.113.333	1.867.525.795.383
Các khoản tương đương tiền	112		1.683.954.774.662	1.387.486.350.900
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.867.736.826.672	5.138.580.323.941
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11	5.867.736.826.672	5.138.580.323.941
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.253.422.327.916</b>	<b>3.607.375.668.277</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	2.521.398.265.326	1.744.869.889.828
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	576.974.970.640	904.476.701.248
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	236.106.038.500	203.408.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.260.065.721.019	1.114.081.771.535
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(343.956.929.421)	(363.723.523.135)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.834.261.852	4.262.828.801
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>660.344.563.191</b>	<b>485.064.150.994</b>
Hàng tồn kho	141		864.664.153.991	689.383.741.794
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(204.319.590.800)	(204.319.590.800)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>721.169.782.672</b>	<b>764.243.961.132</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	121.449.727.627	79.824.461.633
Thuế GTGT được khấu trừ	152		558.909.638.589	545.190.547.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	40.810.416.456	139.228.952.499

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>01/01/2025 VND</b>
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>20.150.263.151.530</b>	<b>17.174.694.382.362</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.791.915.562.293</b>	<b>1.506.052.730.179</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	81.408.356.188	93.599.714.342
Trả trước cho người bán dài hạn	212	6	24.653.398.581	24.653.398.581
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	773.431.322.495	1.080.764.677.466
Phải thu dài hạn khác	216	8	912.422.485.029	307.034.939.790
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.446.601.539.891</b>	<b>9.100.520.065.447</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	8.769.659.560.271	8.401.808.885.120
- Nguyên giá	222		28.809.037.419.828	29.962.641.030.949
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.039.377.859.557)	(21.560.832.145.829)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	42.315.190.625	45.229.712.513
- Nguyên giá	225		58.290.437.844	58.290.437.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(15.975.247.219)	(13.060.725.331)
Tài sản cố định vô hình	227	13	634.626.788.995	653.481.467.814
- Nguyên giá	228		940.133.833.854	934.473.120.013
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(305.507.044.859)	(280.991.652.199)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>2.984.208.912.246</b>	<b>417.002.112.683</b>
- Nguyên giá	231		3.621.818.373.230	801.560.573.617
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(637.609.460.984)	(384.558.460.934)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>17</b>	<b>1.803.621.191.126</b>	<b>3.528.272.652.993</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		39.313.490.216	39.141.592.111
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.764.307.700.910	3.489.131.060.882
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.653.364.118.355</b>	<b>2.220.497.150.565</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	11	3.271.022.106.246	1.849.307.819.163
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	11	367.777.404.323	395.522.409.602
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	11	(24.187.531.620)	(24.333.078.200)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	11	38.752.139.406	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>470.551.827.619</b>	<b>402.349.670.495</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	440.475.415.867	373.585.689.251
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		30.076.411.752	28.763.981.244
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>35.552.279.539.976</b>	<b>30.424.970.632.989</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>16.217.919.943.756</b>	<b>13.008.273.019.746</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.329.063.030.027</b>	<b>8.099.991.348.524</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	1.395.291.432.180	1.698.029.979.726
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		115.658.711.378	77.566.769.514
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	591.025.431.542	309.516.290.210
Phải trả người lao động	314		773.199.200.502	684.237.666.497
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	3.054.627.921.655	2.313.842.060.507
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	205.746.164.157	25.249.417.363
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	1.536.119.179.125	1.542.820.618.819
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	1.457.232.290.180	1.280.673.986.345
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		7.000.000.000	25.100.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		193.162.699.308	142.954.559.543
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.888.856.913.729</b>	<b>4.908.281.671.222</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	20	13.904.306.662	13.882.563.322
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	148.206.565.356	44.734.415.104
Phải trả dài hạn khác	337	22	2.325.139.746.868	2.381.238.467.846
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	3.996.077.081.710	1.999.549.682.841
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	341	23	405.529.213.133	468.876.542.109
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>19.334.359.596.220</b>	<b>17.416.697.613.243</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>19.334.359.596.220</b>	<b>17.416.697.613.243</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		591.314.843	745.029.557
Vốn khác của chủ sở hữu	414		73.760.124.299	73.241.144.535
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(3.203.637.830.471)	(3.203.637.830.471)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		91.508.818.739	108.499.338.222
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.497.532.340.887	2.933.165.394.314
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		92.227.503	92.227.503
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.629.246.910.613	596.828.553.066
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(315.399.444.737)	(1.424.185.891.752)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.944.646.355.350	2.021.014.444.818
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.239.385.689.807	4.901.883.756.517
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>35.552.279.539.976</b>	<b>30.424.970.632.989</b>

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT



Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Lê Anh Sơn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	19.029.665.651.275	16.969.719.071.136
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		13.121.224.611	8.470.890.671
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		19.016.544.426.664	16.961.248.180.465
Giá vốn hàng bán	11	28	15.542.020.981.799	14.147.885.979.277
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.474.523.444.865	2.813.362.201.188
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	621.214.249.623	856.589.652.356
Chi phí tài chính	22	30	407.836.764.389	616.879.088.999
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		267.782.572.860	372.851.242.087
Lãi/ (lỗ) đầu tư Công ty liên doanh, liên kết	24		470.966.100.037	225.015.248.832
Chi phí bán hàng	25	31	166.250.716.487	138.313.204.379
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	1.441.889.812.669	1.343.354.790.920
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.550.726.500.980	1.796.420.018.078
Thu nhập khác	31	33	908.330.558.114	1.435.448.737.979
Chi phí khác	32	34	219.875.053.804	79.220.229.770
Lợi nhuận khác	40		688.455.504.310	1.356.228.508.209
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.239.182.005.290	3.152.648.526.287
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		662.699.432.285	546.070.402.800
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(65.110.089.671)	(23.250.630.856)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.641.592.662.676	2.629.828.754.343
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.946.960.410.410	2.021.014.444.818
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		694.632.252.266	608.814.309.525
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.622	1.683

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT

Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Lê Anh Sơn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.239.182.005.290	3.152.648.526.287
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.422.822.222.755	1.525.135.144.321
Các khoản dự phòng	03		(38.012.140.294)	26.689.582.157
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		52.329.935.464	(55.131.068.690)
Lỗ/(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(1.258.087.197.310)	(1.308.671.609.044)
Chi phí lãi vay	06		267.782.572.860	372.851.242.087
Các điều chỉnh khác	07		-	26.272.308.883
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>3.686.017.398.765</b>	<b>3.739.794.126.001</b>
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(90.620.704.155)	455.843.676.906
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(175.452.310.302)	8.277.984.948
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.355.889.295.327)	(434.232.237.235)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(108.514.992.610)	36.070.693.052
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(223.823.083.134)	(217.231.080.187)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(387.345.225.404)	(569.874.097.308)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		6.787.908.508	32.320.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(329.941.705.651)	(220.552.756.659)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>1.021.217.990.690</b>	<b>2.798.128.629.518</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.712.707.184.141)	(3.090.639.824.854)
Tiền thu thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		952.566.071.076	846.150.504.689
Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.967.201.207.926)	(6.805.556.798.760)
Tiền thu hồi cho vay bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.521.913.497.546	6.701.753.928.991
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(55.720.149.211)	(332.099.938.458)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		79.995.226.586	106.295.848.490
Tiền thu lãi vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27		825.295.089.990	368.021.672.950
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(3.355.858.656.080)</b>	<b>(2.206.074.606.952)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		13.775.290.000	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	470.498.442.708
Tiền thu từ đi vay	33		4.538.679.535.138	(548.833.154.504)
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.276.945.894.707)	-
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(329.166.935.972)	(46.326.570.024)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.946.341.994.459</b>	<b>(124.661.281.820)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>611.701.329.069</b>	<b>467.392.740.747</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>3.255.012.146.283</b>	<b>2.771.448.217.598</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		32.629.412.643	16.171.187.938
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>3.899.342.887.995</b>	<b>3.255.012.146.283</b>

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT

Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Lê Anh Sơn



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 250/TTg ngày 29/4/1995 của Thủ tướng chính phủ. Ngày 29/09/2006, Tổng Công ty đã chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 216/2006/QĐ - TTg của Thủ tướng chính phủ. Đồng thời, Thủ tướng chính phủ cũng ban hành Quyết định số 217/2006/QĐ-TTg về việc thành lập Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 25/06/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 985/QĐ-TTg về việc chuyển Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Thực hiện đề án Tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng Công ty đã tổ chức thực hiện xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2016. Ngày 08/12/2017, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 3402/QĐ-BGTVT công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Đến ngày 20/06/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 751/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Ngày 18/06/2020, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp ban hành Quyết định số 277/QĐ-UBQLV điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả chào bán cổ phần lần đầu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Tổng Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu vào ngày 13/08/2020 và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 18/08/2020.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0100104595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội lần đầu ngày 07/07/2010. Từ ngày 18/08/2020, Tổng Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7 để chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ là 12.005.880.000.000 VND, thay đổi lần thứ 9 ngày 10/07/2025.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa, đường bộ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải; hoạt động điều hành cảng biển, cảng đường thủy nội địa; hoạt động đại lý, giao nhận vận chuyển, logistics, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, mua bán nợ...

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

**1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.5 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2025 bao gồm:

STT	Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	51,05%	51,05%	Dịch vụ hàng hải
2	Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	TP. Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ vận tải biển
3	Công ty Cổ Phần VIMC Logistics	TP. Hà Nội	59,50%	60,59%	Dịch vụ hàng hải
4	Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	Khánh Hòa	80,90%	80,90%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
5	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	TP. Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ vận tải biển
6	Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	TP. Hải Phòng	92,56%	92,56%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
7	Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Nghệ An	51,00%	51,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
8	Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	65,45%	65,45%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
9	Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	75,00%	75,00%	Dịch vụ cảng biển
10	Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	TP. Hải Phòng	60,00%	60,00%	Dịch vụ vận tải biển
11	Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	TP. Hà Nội	56,00%	56,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
12	Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ vận tải biển
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	Quảng Ninh	56,58%	56,58%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
14	Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng hải Hậu Giang	Hậu Giang	100,00%	100,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp, vận chuyển
15	Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	TP. Cần Thơ	99,01%	99,01%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
16	Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	Khánh Hòa	91,79%	91,79%	Dịch vụ vận tải biển
17	Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (i)	Bình Định	75,01%	75,01%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
18	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	Khánh Hòa	41,26%	51,00%	Dịch vụ hàng hải
19	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	TP. Hải Phòng	47,21%	51,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

STT	Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
20	Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	TP. Hải Phòng	55,54%	60,00%	Dịch vụ hàng hải
21	Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	TP. Hải Phòng	92,56%	100,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
22	Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	TP. Hải Phòng	92,56%	100,00%	Dịch vụ khám chữa bệnh
23	Công ty TNHH MTV Đào tạo kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	TP. Hải Phòng	92,56%	100,00%	Dịch vụ đào tạo
24	Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	48,52%	74,13%	Dịch vụ hàng hải
25	Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	59,26%	90,54%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
26	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	41,44%	63,31%	Dịch vụ hàng hải
27	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	33,38%	51,00%	Dịch vụ hàng hải
28	Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	34,51%	52,72%	Dịch vụ hàng hải
29	Công ty TNHH MTV Cung ứng Nhân lực VOSCO	TP. Hải Phòng	51,00%	51,00%	Cung ứng nhân lực
30	Công ty Cổ phần dịch vụ Cảng Hậu Giang	Hậu Giang	51,00%	51,00%	Dịch vụ hàng hải
31	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	TP. Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ hàng hải
32	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	TP. Quy Nhơn	75,01%	75,01%	Dịch vụ hàng hải
33	Công ty cổ phần Vận tải container VIMC (VIMC Lines)	TP. Hà Nội	99,56%	99,56%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp, vận tải biển
34	Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	TP. Hải Phòng	51,00%	50,55%	Dịch vụ hàng hải
35	Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	TP. Hải Phòng	51,00%	50,55%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp

- i. Tháng 9/2015, Tổng Công ty thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (“QNP”) theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (“Hợp Thành”). Ngày 27/05/2019, thực hiện Kết luận của Thanh tra Chính phủ về công tác Cổ phần hóa tại QNP, ý kiến chỉ đạo của Phó thủ tướng thường trực Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, Tổng Công ty đã ký hợp đồng số 01/2019/VNL-HT/CGCP với Hợp Thành về việc nhận chuyển giao quyền sở hữu cổ phần QNP. Ngày 29/05/2019, việc chuyển giao quyền sở hữu 30.312.262 cổ phần tương đương 75,01% vốn điều lệ QNP cho Tổng Công ty đã được thực hiện thông qua Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Theo hợp đồng, tổng giá trị chuyển giao bao gồm (1) Số tiền chuyển giao và (2) Lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư. Trong đó:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.5 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY (TIẾP)**

- Số tiền chuyển giao (1) là 415.156.027.500 VND. Số tiền này đã được Tổng Công ty chuyển trả cho Hợp Thành vào ngày 27/05/2019 và tạm ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào QNP vào ngày được chuyển giao quyền sở hữu;
- Lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư (2) là giá trị lợi ích hợp pháp mà Hợp Thành được hưởng trong giai đoạn tham gia đầu tư, quản lý và điều hành. Giá trị này hai bên thống nhất do Hợp Thành đưa ra cơ sở phương pháp xác định gửi Tổng Công ty xem xét cho ý kiến và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đến thời điểm 31/12/2025, các bên vẫn chưa xác định được giá trị lợi ích hợp pháp (2) mà Hợp Thành được hưởng trong giai đoạn tham gia đầu tư, quản lý và điều hành. Vì vậy, Tổng Công ty chưa thanh toán khoản này cho Hợp Thành đồng thời chưa ghi nhận vào giá trị khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính riêng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (Các công ty con). Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Báo cáo tài chính của một số Công ty con và Công ty liên kết gồm: Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông, Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang, Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang, Công ty TNHH quốc tế Cảng Cái Mép có các sự kiện cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của các Công ty này như lỗ lũy kế lớn, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn... nhưng báo cáo tài chính của các Công ty này vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng, với việc các đơn vị đang trong quá trình quyết liệt tái cơ cấu các khoản nợ vay, đồng thời thị trường vận tải biển đang có những chuyển biến hết sức tích cực thì giả định hoạt động liên tục để lập Báo cáo tài chính của các công ty này là phù hợp.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**2.2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.3 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1 CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.3 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.4 HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THỂ THƯƠNG MẠI**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thể thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thể thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Tổng Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thể thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thể thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thể thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

**3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Chúng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chúng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chúng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chúng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

*Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết* mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thể thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thể thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thể thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ, Tổng Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Tổng Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Tổng Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi và được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên. Dự phòng cũng được xác định đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Dự phòng được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng tại Công ty Vận tải biển VIMC - đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty mẹ, giá trị hàng tồn kho (chủ yếu là nhiên liệu trên tàu) được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng dịch vụ hoặc hạng mục tư vấn dự án chưa nghiệm thu hoàn thành. Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn được tập hợp theo chi phí thực tế phát sinh của dự án đầu tư bất động sản để bán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ kế toán cho từng mặt hàng tồn kho có chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Chính sách khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Tổng Công ty và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)**

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 35
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	03 - 10
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50
Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao
Phần mềm	03
Tài sản cố định vô hình khác	02 - 21

**3.9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư được đưa vào sử dụng và ghi tăng nguyên giá trước thời điểm xác định giá trị cổ phần hóa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25
Quyền sử dụng đất	50
Cơ sở hạ tầng	47

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.11 THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau. Đối với giá trị lợi thế kinh doanh và giá trị công cụ dụng cụ đánh giá lại được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận Tài sản cố định vô hình. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí dựa trên đánh giá tình hình thực tế, chi phí công cụ dụng cụ được phản ánh vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí dựa trên đánh giá tình hình thực tế, chi phí công cụ dụng cụ được phản ánh vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.
- Chi phí thuê nhà và chi phí bảo hiểm: Được phân bổ căn cứ thời gian trả trước.

**3.13 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại ngoại tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản đi vay và nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.15 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, toàn bộ chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

**3.16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm chi phí lãi vay và các loại chi phí khác.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**3.17 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

**3.18 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi chưa thực hiện khi góp vốn bằng tài sản phi tiền tệ cho công ty liên doanh, liên kết tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong công ty liên doanh, liên kết.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.19 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày cuối kỳ được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu - là vốn điều lệ của Tổng Công ty được Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt tại Quyết định số 277/QĐ-UBQLV ngày 18/06/2020.

Tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông (“Biển Đông”): Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/09/2015, khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ với Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam (DATC) với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng phát sinh trước ngày chuyển đổi chủ nợ được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Biển Đông. Hướng dẫn này có sự khác biệt với quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, theo đó khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Trước năm 2017, Biển Đông áp dụng hướng dẫn của công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/9/2015 của Bộ tài chính (công văn 751) v/v hướng dẫn kế toán phần chênh lệch giữa giá trị khoản nợ theo sổ sách kế toán và giá trị nhận nợ với DATC (Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam). Theo đó, khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Biển Đông.

Từ năm 2018 đến năm 2021, Biển Đông chuyển sang áp dụng các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, theo đó, khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ DATC với giá trị khoản gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Từ năm 2022 tới 2023, Biển Đông áp dụng hướng dẫn của Thông tư số 46/2021/TT-BTC ngày 23/6/2021, công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/9/2015, công văn số 5883 /BTC-TCDN ngày 08/5/2017, công văn số 1440/BTC-TCDN ngày 08/02/2021 của Bộ Tài chính.

Nếu Biển Đông áp dụng nhất quán quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong ghi nhận các khoản này thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2025, chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống 2.166,24 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tăng lên tương ứng và tại ngày 31/12/2025, chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống 2.166,24 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tăng lên tương ứng.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.20 GHI NHẬN DOANH THU**

**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.21 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**3.22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

**3.23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**3.24 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

*Chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

*Thuế suất thuế TNDN năm tài chính hiện hành*

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

**3.25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.26 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết.
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được Tổng Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**3.27 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	12.801.084.654	16.561.419.383
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.197.238.222.919	1.850.964.376.000
Tiền đang chuyển	5.348.805.760	-
Các khoản tương đương tiền (*)	1.683.954.774.662	1.387.486.350.900
	<b>3.899.342.887.995</b>	<b>3.255.012.146.283</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại với kỳ hạn không quá 03 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.521.398.265.326</b>	<b>(239.037.962.205)</b>	<b>1.744.869.889.828</b>	<b>(254.544.791.678)</b>
<i><b>Phải thu khách hàng là bên liên quan</b></i>	<i><b>52.362.359.411</b></i>	<i><b>(9.129.344.594)</b></i>	<i><b>91.328.760.684</b></i>	<i><b>(39.886.741.594)</b></i>
- Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	654.804	-	99.932.011	-
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	34.703.748	-	124.636.288	-
- Công ty TNHH Vinalines Honda Logistic Việt Nam	783.357.782	-	1.137.853.872	-
- Công ty CP Tiếp vận Biển Đông	4.818.931.380	-	4.655.791.380	-
- Công ty CP Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	1.009.353.136	-	1.053.597.594	-
- Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	339.642.234	-	-	-
- Công ty CP HPH Logistic	52.734.332	-	4.543.659.314	-
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	5.374.564.965	(5.374.564.965)	5.269.379.882	(5.269.379.882)
- Công ty Cổ phần Lai Dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	24.221.557	-	70.680.540	-
- Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA	5.499.734.492	-	2.785.844.500	-
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	22.367.146.500	-	63.654.666.209	(30.862.582.083)
- Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	231.341.089	-	492.539.914	-
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	507.689.130	-	355.175.057	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Viship	3.754.779.629	(3.754.779.629)	3.754.779.629	(3.754.779.629)
- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	2.864.879.523	-	2.822.051.194	-
- Công ty CP Hàng hải Đông Đô	115.000.000	-	115.000.000	-
- Công ty CP Hàng hải Sài Gòn	-	-	24.000.000	-
- Công ty CP sửa chữa tàu biển Nosco-Vinalines	-	-	307.030.500	-
- Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam	-	-	15.142.800	-
- Công ty CP Cảng Năm Căn	47.000.000	-	47.000.000	-
- Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng Hải VIMC - ARIES	247.688.856	-	-	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	4.288.936.254	-	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TIẾP)**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên khác</b>	<b>2.469.035.905.915</b>	<b>(229.908.617.611)</b>	<b>1.653.541.129.144</b>	<b>(214.658.050.084)</b>
- Denmar Chartering & Trading GmbH	16.658.268.724	(16.658.268.724)	16.658.268.724	(16.658.268.724)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại DIC	59.397.598.942	(59.397.598.942)	60.597.598.942	(60.597.598.942)
- Maersk A/S	34.533.508.990	-	10.561.674.714	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư HB	135.736.530.000	-	146.268.626.306	-
- Công ty TNHH Phát triển Đầu tư Thương mại NHT	296.124.211.794	-	-	-
- SITC Container Lines Co., Ltd	31.175.891.730	-	38.657.905.546	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	21.977.044.420	(21.977.044.420)	21.977.044.420	(21.977.044.420)
- Công ty CP Vận tải và Kinh doanh than - Vinacomin	175.500.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	14.646.693.907	-	14.116.722.448	-
- Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	3.967.129.294	-	23.910.382.470	-
- Phát điện dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	179.543.773.080	-	-	-
- Các khách hàng khác	1.499.775.255.034	(131.875.705.525)	1.320.792.905.574	(115.425.137.998)
<b>Dài hạn</b>	<b>81.408.356.188</b>	<b>-</b>	<b>93.599.714.342</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu khách hàng là bên liên quan</b>	<b>81.408.356.188</b>	<b>-</b>	<b>93.599.714.342</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (*)	81.408.356.188	-	93.599.714.342	-
	<b>2.602.806.621.514</b>	<b>(239.037.962.205)</b>	<b>1.838.469.604.170</b>	<b>(254.544.791.678)</b>

(\*) Khoản phải thu Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (CMIT) liên quan đến tiền thuê cơ sở kết cấu hạ tầng tại Cảng Cái Mép. Trong đó bao gồm khoản phải thu liên quan khoản tiền thuê đất được giãn theo thỏa thuận Hợp đồng cho giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2019. Khoản tiền này sẽ thanh toán trong 24 kỳ kể từ sau ngày 30/06/2019 cho đến ngày 31/12/2030. Ngày 30/06/2023, Cảng Sài Gòn và CMIT đã ký kết Thỏa thuận tạm hoãn thanh toán với các bên cho thuê, theo đó khoản tiền thuê đất được giãn theo thỏa thuận Hợp đồng cho giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2019 trong 4 kỳ đầu tiên sẽ được hoãn lại và thực hiện kể từ ngày 30/06/2025.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>576.974.970.640</b>	<b>(60.874.952.249)</b>	<b>904.476.701.248</b>	<b>(60.552.920.726)</b>
<i>Các bên liên quan</i>	<i>5.786.918.850</i>	<i>-</i>	<i>2.676.105.764</i>	<i>-</i>
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	3.290.997.586	-	180.184.500	-
Công ty CP Hàng hải Đông Đô	2.495.921.264	-	2.495.921.264	-
<i>Các bên khác</i>	<i>571.188.051.790</i>	<i>(60.874.952.249)</i>	<i>901.800.595.484</i>	<i>(60.552.920.726)</i>
Công ty Đóng tàu Bạch Đằng (1)	69.262.562.009	(49.239.258.319)	69.262.562.009	(49.239.258.319)
Công ty Mitsui E & S Co., Ltd	-	-	108.086.362.479	-
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu (2)	256.655.705.789	-	256.655.705.789	-
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	11.703.000.000	-	99.860.088.449	-
Tổng công ty Sông Thu	-	-	41.631.415.631	-
Công ty CP Unico Vina	56.643.670.000	-	50.940.000.000	-
Công ty CP xây dựng Công trình Thủy Hà Nội	8.024.861.624	-	15.493.614.486	-
Đối tượng khác	168.898.252.368	(11.635.693.930)	259.870.846.641	(11.313.662.407)
<b>Dài hạn</b>	<b>24.653.398.581</b>	<b>-</b>	<b>24.653.398.581</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Địa ốc 10	24.653.398.581	-	24.653.398.581	-
	<b>601.628.369.221</b>	<b>(60.874.952.249)</b>	<b>929.130.099.829</b>	<b>(60.552.920.726)</b>

(1) Bao gồm:

- Khoản ứng trước liên quan đến Hợp đồng số 01/VNL-BĐ ngày 22/11/2010 ký giữa Công ty mẹ - Tổng Công ty và Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng về việc đóng tàu BV-11 số tiền 49.239.258.319 VND. Đây là số tiền ứng trước theo hợp đồng vượt quá giá trị quyết toán do dừng thực hiện dự án.
- Số còn lại là khoản ứng trước cho việc đóng tàu Lucky Star và tàu Blue Star với Công ty CP Vận tải Biển Việt Nam. Hiện nay các bên đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết để quyết toán hoàn thành giá trị tàu.

- (2) Khoản ứng trước cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu về việc đóng tàu Vosco Sunrise của Công ty CP Vận tải biển Việt Nam. Hai bên đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết để quyết toán hoàn thành giá trị tàu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>236.106.038.500</b>	<b>-</b>	<b>203.408.000.000</b>	<b>-</b>
<i><b>Bên liên quan</b></i>	<i><b>234.706.038.500</b></i>	<i><b>-</b></i>	<i><b>202.008.000.000</b></i>	<i><b>-</b></i>
Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA (i)	234.706.038.500	-	202.008.000.000	-
<i><b>Bên khác</b></i>	<i><b>1.400.000.000</b></i>	<i><b>-</b></i>	<i><b>1.400.000.000</b></i>	<i><b>-</b></i>
Các đối tượng khác	1.400.000.000	-	1.400.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>773.431.322.495</b>	<b>-</b>	<b>1.080.764.677.466</b>	<b>-</b>
<i><b>Bên liên quan</b></i>	<i><b>773.431.322.495</b></i>	<i><b>-</b></i>	<i><b>1.080.764.677.466</b></i>	<i><b>-</b></i>
Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA (i)	126.460.411.500	-	337.100.850.000	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA (ii)	437.248.350.000	-	424.974.330.000	-
Công ty TNHH Cảng Công - Ten - Nơ Quốc tế Cái Lân (iii)	208.769.920.275	-	318.689.497.466	-
Công ty CP Cảng Năm Căn	952.640.720	-	-	-
	<b>1.009.537.360.995</b>	<b>-</b>	<b>1.284.172.677.466</b>	<b>-</b>

- (i) Khoản cho vay theo Nghị quyết số 119/NQ-CSG ngày 16/03/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn ("Cảng Sài Gòn") Công ty con của Tổng Công ty về việc đồng ý các nội dung tái cơ cấu khoản nợ vay của Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA ("SSIT") với các tổ chức tín dụng tại Điều khoản Thỏa thuận và Thỏa thuận khoản tài trợ của Chủ sở hữu. Cụ thể, các Cổ đông đồng ý tài trợ cho việc mua lại khoản vay và tất cả các nghĩa vụ nợ của SSIT với tổng kinh phí cần thiết là 48.000.000 USD, trong đó Cảng Sài Gòn hỗ trợ tài chính 24.000.000 USD (thông qua việc cung cấp một khoản vay có lãi suất 6,3%/năm, kỳ hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (kỳ trả gốc cuối cùng là vào tháng 12/2027), với tỷ giá hối đoái thực hiện là 23.518 VND/ USD). Ngày 23/06/2023, Cảng Sài Gòn đã hoàn tất chuyển 564.432.000.000 VND cho SSIT vay theo Hợp đồng vay Cổ đông ngày 28/04/2023 và Thỏa thuận tái cơ cấu SSIT. Đến thời điểm 31/12/2025, SSIT đã thực hiện trả lãi vay phát sinh trong năm và một phần gốc vay theo đúng lịch trả nợ trong Thỏa thuận cho vay ngày 28/04/2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (TIẾP)**

Thông tin chi tiết về khoản cho vay như sau:

Hợp đồng vay vốn	Lãi suất	Thời hạn cho vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2025		01/01/2025	
				USD	VND	USD	VND
Hợp đồng vay cổ đông	6,3%/năm	05 năm	Tín chấp	17.600.000	361.166.450.000	21.350.000	539.108.850.000
Khoản nợ phải trả trong vòng 12 tháng				8.750.000	234.706.038.500	8.000.000	202.008.000.000
Khoản nợ đến hạn phải trả sau 12 tháng				8.850.000	126.460.411.500	13.350.000	337.100.850.000

- (ii) Khoản cho Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA vay, trị giá nguyên tệ là 16.830.000 USD theo Hợp đồng vay cổ đông ngày 26/08/2008, tương ứng với tỷ lệ vốn góp 51% của Tổng Công ty và Cảng Sài Gòn tại Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA. Khoản cho vay này không có tài sản bảo đảm. Tổng Công ty cũng trình bày nghĩa vụ hoàn trả số tiền trên cho Công ty PSA Vietnam Pte., Ltd trên khoản mục vay và nợ thuê tài chính trên báo cáo tài chính hợp nhất.
- (iii) Khoản phải thu Công ty TNHH Cảng Công - Ten - Nơ Quốc tế Cái Lân (Cảng CICT) theo thỏa thuận mua nợ đã ký giữa VIMC, Công ty SSA Holdings International và các bên cho vay (Lender) ngày 18/10/2024 nhằm thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính CICT đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 22/7/2024.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.260.065.721.019</b>	<b>(44.044.014.967)</b>	<b>1.114.081.771.535</b>	<b>(47.177.243.782)</b>
- Tạm ứng	30.336.706.273	(955.707.766)	23.680.410.730	-
- Ký cược, ký quỹ	167.542.409.989	(162.556.875)	57.862.924.614	(162.556.875)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.969.376.583	(611.670.975)	40.250.966.469	(3.287.420.975)
- Phải thu lãi tiền gửi	75.944.337.320	-	75.359.962.000	-
- Phải thu lãi cho vay	256.642.760.854	(7.713.305.729)	217.938.131.332	(7.733.305.729)
- Các khoản chi hộ	46.641.188.173	-	80.386.274.300	(96.597.406)
- Phải thu thuế GTGT đầu vào của Dự án bến số 2 - Cảng Ba Ngòi	12.810.751.466	-	12.810.751.466	-
- Tiền thu cổ phần hóa	29.137.413.831	-	28.719.686.558	-
- Các khoản phải thu khác	608.040.776.530	(34.600.773.622)	577.072.664.066	(35.897.362.797)
+ Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (i)	54.027.528.536	-	52.630.296.044	-
+ Công ty TNHH MTV Vận tải viễn dương Vinashin	97.070.437.392	(12.980.150.553)	97.057.412.225	(12.932.016.846)
+ Khấu hao và lãi vay đối với tài sản cầu số 4, số 5 bãi container Chùa Vẽ (ii)	194.218.263.761	-	194.218.263.761	-
+ Phải thu khác	262.724.546.841	(21.620.623.069)	233.166.692.036	(22.965.345.951)
<b>Dài hạn</b>	<b>912.422.485.029</b>	<b>-</b>	<b>307.034.939.790</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	811.728.575.801	-	164.599.664.649	-
- Phải thu về chi phí bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng, chi phí tạm cư	74.640.633.376	-	74.166.933.376	-
- Phải thu khác	26.053.275.852	-	68.268.341.765	-
	<b>2.172.488.206.048</b>	<b>(44.044.014.967)</b>	<b>1.421.116.711.325</b>	<b>(47.177.243.782)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>263.158.892.402</b>	<b>(11.074.539.163)</b>	<b>231.640.359.816</b>	<b>(11.074.539.163)</b>
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	1.021.990.118	-	1.655.210.725	-
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA	245.044.203.869	-	212.537.977.105	-
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	5.693.751.634	-	5.876.642.238	-
- Công ty CP Vinalines Hòa Lạc Logistic	-	-	324.126.585	-
- Công ty CP Cảng Năm Căn	3.318.396.525	(3.310.988.907)	3.310.988.907	(3.310.988.907)
- Công ty CP Vận tải biển và hợp tác lao động quốc tế	-	-	-	-
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	6.719.648.507	(6.602.648.507)	6.700.148.507	(6.602.648.507)
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy và Vận tải Cần Thơ	1.006.651.749	(1.006.651.749)	1.006.651.749	(1.006.651.749)
- Công ty CP Hàng hải Đông Đô	-	-	74.364.000	-
- Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	200.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	154.250.000	(154.250.000)	154.250.000	(154.250.000)

- (i) Thực hiện Nghị quyết số 317/NQ-CNTT ngày 23/11/2015 của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (“SBIC”) về việc Phê duyệt nội dung điều chuyển đối tượng nhận nợ từ nguồn ủy thác của SBIC tại Công ty tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy liên quan đến điều chuyển Dự án đầu tư đóng mới tàu 1.730 TEU - V22 từ Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông (“Biển Đông”) sang Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (“Bạch Đằng”) và Biên bản bàn giao ký ngày 05/08/2015 giữa Biển Đông với Bạch Đằng, Biển Đông đã bàn giao Dự án này cùng các khoản nợ gốc vay và lãi vay liên quan sang cho Bạch Đằng từ ngày 05/08/2015. Khoản nợ trên là số còn lại phải thu Bạch Đằng sau khi bàn giao chi phí, công nợ vay, lãi vay của Dự án (xem thêm tại Thuyết minh số 24 - Vay và nợ thuê tài chính).
- (ii) Khoản tiền đã được Công ty CP Cảng Hải Phòng - Công ty con nộp vào ngân sách Nhà nước đối với chi phí khấu hao và lãi vay trong giai đoạn từ năm 2014 đến 31/12/2018 của cầu cảng số 4, số 5 Bến cảng Chùa Vẽ theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại văn bản số 3910/BTC-TTtr ngày 03/04/2020.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**9. NỢ XẤU**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>373.978.564.852</b>	<b>30.021.635.431</b>	<b>393.051.586.523</b>	<b>29.328.063.388</b>
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng	49.239.258.319	-	49.239.258.319	-
- Denmar Chartering & Trading Gmbh	16.658.268.724	-	16.658.268.724	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại DIC	59.397.598.942	-	60.597.598.942	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	16.643.599.993	28.761.484	23.059.435.641	47.935.804
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	21.977.044.420	-	21.977.044.420	-
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	-	-	39.706.522.031	8.843.939.948
- Cavalier Enterprise, UAE	23.151.694.758	-	23.151.694.758	-
- Các đối tượng khác	186.911.099.696	29.992.873.947	158.661.763.688	20.436.187.636
	<b>373.978.564.852</b>	<b>30.021.635.431</b>	<b>393.051.586.523</b>	<b>29.328.063.388</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng đang đi trên đường	632.500.000	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	433.405.821.177	-	431.641.044.485	-
- Công cụ, dụng cụ	25.936.848.667	-	29.133.777.571	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.490.567.959	-	9.538.137.150	-
- Hàng hóa (*)	395.198.416.188	(204.319.590.800)	219.070.782.588	(204.319.590.800)
	<b>864.664.153.991</b>	<b>(204.319.590.800)</b>	<b>689.383.741.794</b>	<b>(204.319.590.800)</b>

(\*) Hàng hóa bao gồm 02 máy tàu 47.500 DWT (HB-02/03) được đóng tại Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long với giá trị 210.469.590.800 đồng. Dự án này đã được dừng triển khai theo Nghị quyết số 513/NQ-HĐTV ngày 06/03/2015 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty. Hai máy tàu này đã được Tổng Công ty sử dụng để thế chấp cho Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Đông Bắc theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2019/HĐTCTS-NHPT ngày 29/08/2019. Tại thời điểm 31/12/2025, Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với 02 máy tàu này với số tiền 204.319.590.800 đồng.

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.867.736.826.672</b>	<b>5.867.736.826.672</b>	<b>5.138.580.323.941</b>	<b>5.138.580.323.941</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.867.736.826.672	5.867.736.826.672	5.138.580.323.941	5.138.580.323.941
<b>Dài hạn</b>	<b>38.752.139.406</b>	<b>38.752.139.406</b>	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	38.752.139.406	38.752.139.406	-	-
	<b>5.906.488.966.078</b>	<b>5.906.488.966.078</b>	<b>5.138.580.323.941</b>	<b>5.138.580.323.941</b>

(\*) Các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng Thương mại.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Công ty	31/12/2025			01/01/2025		
	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị (i)	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị (i)
	%	%	VND	%	%	VND
Công ty Cổ phần Cảng Khuyến Lương	49,00%	49,00%	50.695.915.340	49,00%	49,00%	38.842.478.997
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	50,00%	28,34%	-	50,00%	28,34%	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp tàu thủy và Vận tải Cần Thơ	33,45%	33,45%	-	33,45%	33,45%	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	46,45%	23,69%	20.960.754.895	46,45%	23,69%	20.308.310.076
Công ty Cổ phần Vận tải & Thuê tàu biển Việt Nam	43,32%	43,32%	-	43,32%	43,32%	-
Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn	49,35%	49,35%	-	49,35%	49,35%	-
Công ty Cổ phần Cảng tổng hợp Thị Vải	21,00%	13,74%	20.906.161.988	21,00%	13,74%	17.000.265.402
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng	30,52%	28,25%	34.578.028.522	30,52%	28,25%	29.757.030.562
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại hàng hải Hải Phòng	40,53%	38,48%	36.778.062.682	40,53%	38,48%	30.990.342.284
Công ty CP Đại lý tàu biển và Logistic Vosco	36,00%	18,36%	3.837.984.309	36,00%	18,36%	3.219.817.702
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Hưng Phúc	20,00%	13,09%	300.000.000	20,00%	13,09%	300.000.000
Công ty Cổ phần dịch vụ Vận tải & Thương mại	33,49%	33,49%	60.343.397.513	33,49%	33,49%	58.186.491.199
Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô	48,97%	48,97%	-	48,97%	48,97%	-
Công ty CP HPH Logistics	38,81%	35,92%	15.346.710.801	38,81%	35,92%	14.900.653.069
Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ hàng hải Cửa Lò	36,00%	18,36%	6.947.229.643	36,00%	18,36%	6.724.806.131
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Sài Gòn	20,12%	18,62%	-	20,12%	18,62%	2.627.515.041
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Đà Nẵng	45,10%	33,83%	26.889.115.882	45,10%	33,83%	26.000.530.784
Công ty TNHH KM Cargo Service Hải Phòng	36,00%	33,32%	24.861.836.361	36,00%	33,32%	23.779.148.807

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết (Tiếp)*

Công ty	31/12/2025			01/01/2025		
	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Giá trị (i)	Tỷ lệ biểu	Tỷ lệ	Giá trị (i)
	biểu quyết	lợi ích	VND	quyết	lợi ích	VND
	%	%		%	%	
Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng)	20,00%	18,51%	84.433.441.461	20,00%	18,51%	35.495.162.924
Công ty Cổ phần Tàu lai Cảng Đà Nẵng	36,00%	27,00%	35.100.992.561	36,00%	27,00%	31.792.013.335
Công ty Cổ phần Tiếp vận Biển Đông	21,00%	21,00%	-	21,00%	21,00%	-
Công ty Cổ phần TM DV VT Logistic Sài Gòn Bến Tre	30,00%	13,09%	-	30,00%	13,09%	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	49,00%	49,00%	25.918.458.349	49,00%	49,00%	27.249.691.922
Công ty Cổ phần Vận tải biển Viship	37,00%	37,00%	-	37,00%	37,00%	-
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	25,00%	23,14%	-	25,00%	23,14%	-
Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	36,00%	36,00%	-	36,00%	36,00%	-
Công ty Cổ phần VTB và TM Phương Đông	49,00%	49,00%	-	49,00%	49,00%	-
Công ty LD DV container quốc tế cảng SG SSA	50,00%	36,55%	1.031.870.223.544	50,00%	36,55%	770.439.259.571
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	47,19%	46,72%	4.411.992.369	47,19%	46,72%	4.276.490.785
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	50,00%	45,82%	-	50,00%	45,82%	-
Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	50,00%	38,54%	522.083.727.780	50,00%	38,54%	439.181.278.305
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	50,00%	32,72%	30.913.526.283	50,00%	32,72%	30.591.830.926
Công ty TNHH NYK Autologistic Việt Nam	20,00%	10,21%	1.955.273.059	20,00%	10,21%	1.955.273.059
Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô	45,56%	45,56%	-	45,56%	45,56%	-
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	50,00%	47,21%	170.661.098.874	50,00%	47,21%	184.849.146.303
Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	50,00%	50,00%	40.263.933.373	50,00%	50,00%	37.621.103.450
Công ty TNHH Vinalines Honda Logistic Việt Nam	22,12%	12,55%	7.155.933.861	22,12%	12,55%	7.622.902.383
Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistic	37,89%	21,49%	5.234.037.516	37,89%	21,05%	5.596.276.146
Công ty TNHH Liên doanh dịch vụ Hàng hải VIMC - ARIES (ii)	50,00%	51,35%	2.196.512.285	50,00%	0,00%	-
Công ty TNHH Sinotrans Container Lines (Việt Nam)	20,00%	10,21%	1.545.600.000	0,00%	0,00%	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng (iii)	46,28%	47,53%	1.004.832.156.996	0,00%	0,00%	-
			<b>3.271.022.106.246</b>			<b>1.849.307.819.163</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Đầu tư vào đơn vị khác*

Công ty	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ %
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>364.370.404.323</b>	<b>(23.187.531.620)</b>		<b>389.522.247.319</b>	<b>(23.333.078.200)</b>	
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị	300.001.000.000	-	5,56%	300.001.000.000	-	5,56%
Ngọc Viễn Đông (iv)						
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế QTM	33.594.000.000	(21.880.635.615)	11,35%	33.594.400.000	(21.880.635.615)	11,35%
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	18.000.000.000	-	16,68%	18.000.000.000	-	16,68%
Đầu tư vào đơn vị khác	12.775.404.323	(1.306.896.005)		37.926.847.319	(1.452.442.585)	
<b>Đầu tư bằng quỹ phúc lợi</b>	<b>3.407.000.000</b>	<b>(1.000.000.000)</b>		<b>6.000.162.283</b>	<b>(1.000.000.000)</b>	
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	-		2.593.162.283	-	
Đầu tư khác	3.407.000.000	(1.000.000.000)		3.407.000.000	(1.000.000.000)	
	<b>367.777.404.323</b>	<b>(24.187.531.620)</b>		<b>395.522.409.602</b>	<b>(24.333.078.200)</b>	

(i) Đối với các khoản đầu tư Tổng Công ty sở hữu trước thời điểm 31/12/2016 (là thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa), giá trị khoản đầu tư được ghi nhận căn cứ vào kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

(ii) Khoản đầu tư theo Thỏa thuận thành viên giữa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và Công ty Aries Energy Corporation Inter S.A, trong đó tỷ lệ vốn góp là 51% và hai bên có quyền tương đương nhau trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty TNHH Liên doanh dịch vụ Hàng hải VIMC - ARIES.

(iii) Khoản đầu tư theo Thỏa thuận thành viên ngày 02/05/2024 giữa Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty Global Terminal Limited S.À.R.L về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 51%, hai bên có quyền tương đương nhau trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đã thực hiện góp là 990.093.997.089 đồng, trong đó góp bằng tiền là 1.314.929.805 đồng.

(iv) Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty (Cảng Sài Gòn), đang theo dõi khoản đầu tư góp vốn bằng tài sản là 600m cầu tàu K6, K7, K8, K9, K10 tại Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô Thị Ngọc Viễn Đông ("Công ty Ngọc Viễn Đông") với giá trị góp vốn được xác định là 300.001.000.000 đồng (tương đương tỷ lệ góp vốn 5,6%). Cảng Sài Gòn không thu thập được các Báo cáo tài chính của Công ty Ngọc Viễn Đông từ năm 2021 đến nay. Tuy nhiên, các tài sản góp vốn vẫn đang được Công ty tiếp tục quản lý, khai thác, kinh doanh và Công ty Ngọc Viễn Đông cam kết chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất có liên quan đối với Nhà nước theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/08/2017 giữa Công ty Ngọc Viễn Đông và Cảng Sài Gòn. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản đầu tư này không bị suy giảm giá trị.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2025	9.554.269.628.529	3.463.366.786.431	16.639.582.815.300	247.821.846.596	56.065.328.198	29.962.641.030.949
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.554.293.127.717	18.565.276.584	277.433.031	3.672.705.513	-	2.576.808.542.845
- Mua mới trong kỳ	21.273.017.678	29.547.328.445	3.636.350.221.179	88.206.847.507	2.619.224.280	3.777.996.639.089
- Thanh lý, nhượng bán	(32.145.500.922)	(14.965.039.441)	(2.747.893.325.465)	(799.940.819)	(587.371.381)	(2.796.391.178.028)
- Giảm do góp vốn đầu tư	-	-	(758.676.246.680)	(21.467.736.008)	-	(780.143.982.688)
- Phân loại lại	(24.174.581.436)	22.045.346.702	(22.018.707.179)	269.518.404	-	(23.878.423.509)
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(2.777.074.580.908)	-	-	-	-	(2.777.074.580.908)
- Tăng/Giảm khác	(6.836.209)	176	(1.099.034.814.491)	(32.005.377.398)	126.400.000	(1.130.920.627.922)
31/12/2025	9.296.434.274.449	3.518.559.698.897	15.648.587.375.695	285.697.863.795	58.223.581.097	28.809.037.419.828
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2025	(5.073.785.725.332)	(2.260.222.759.512)	(14.007.386.147.234)	(170.684.310.006)	(47.218.577.849)	(21.560.832.145.829)
- Khấu hao trong kỳ	(304.898.631.178)	(198.176.335.913)	(791.228.533.833)	(25.611.230.084)	(2.495.513.698)	(1.322.410.244.706)
- Thanh lý, nhượng bán	32.092.239.239	14.831.780.072	2.579.228.077.580	799.940.819	587.371.381	2.627.539.409.091
- Phân loại lại	20.411.469.542	(5.945.764.956)	6.227.776.236	59.149.573	(5.058.651)	20.747.571.744
- Tăng/Giảm khác	195.124.423.772	-	3.421.827	479.660.000	(29.955.456)	195.577.550.143
31/12/2025	(5.131.056.223.957)	(2.449.513.080.309)	(12.213.155.405.424)	(194.956.789.698)	(49.161.734.273)	(20.039.377.859.557)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2025	4.480.483.903.197	1.203.144.026.919	2.632.196.668.066	77.137.536.590	8.846.750.349	8.401.808.885.120
31/12/2025	4.165.378.050.492	1.069.046.618.588	3.435.431.970.271	90.741.074.097	9.061.846.824	8.769.659.560.271

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 10.491.113.427.032 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 8.891.181.259 đồng).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 3.358.828.756.077 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 1.345.974.699.456 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Bản quyền, bằng sáng chế VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>TSCĐ vô hình khác VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2025	787.551.911.520	351.898.800	132.002.487.182	14.566.822.511	934.473.120.013
- Mua trong năm	-	-	49.894.964.092	71.530.000	49.966.494.092
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(99.855.000)	-	(99.855.000)
- Giảm khác	(8.163.526.647)	-	(36.042.398.604)	-	(44.205.925.251)
31/12/2025	779.388.384.873	351.898.800	145.755.197.670	14.638.352.511	940.133.833.854
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
01/01/2025	(169.638.421.519)	(351.898.800)	(96.483.656.869)	(14.517.675.011)	(280.991.652.199)
- Khấu hao trong năm	(13.385.537.610)	-	(13.383.031.370)	(14.779.421)	(26.783.348.401)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	99.855.000	-	99.855.000
- Tăng khác	2.168.100.741	-	-	-	2.168.100.741
31/12/2025	(180.855.858.388)	(351.898.800)	(109.766.833.239)	(14.532.454.432)	(305.507.044.859)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2025	617.913.490.001	-	35.518.830.313	49.147.500	653.481.467.814
31/12/2025	598.532.526.485	-	35.988.364.431	105.898.079	634.626.788.995

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 122.010.477.901 đồng (tại ngày 01/01/2025 là: 75.102.581.270 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2025	22.590.437.844	35.700.000.000	58.290.437.844
31/12/2025	22.590.437.844	35.700.000.000	58.290.437.844
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2025	(5.176.975.331)	(7.883.750.000)	(13.060.725.331)
- Khấu hao trong năm	(1.129.521.888)	(1.785.000.000)	(2.914.521.888)
31/12/2025	(6.306.497.219)	(9.668.750.000)	(15.975.247.219)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2025	17.413.462.513	27.816.250.000	45.229.712.513
31/12/2025	16.283.940.625	26.031.250.000	42.315.190.625

**15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	801.560.573.617	2.820.257.799.613	-	3.621.818.373.230
- Quyền sử dụng đất	255.797.525.808	8.163.526.647	-	263.961.052.455
- Nhà cửa	542.955.500.829	35.019.692.058	-	577.975.192.887
- Cơ sở hạ tầng	2.807.546.980	2.777.074.580.908	-	2.779.882.127.888
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>	(384.558.460.934)	(253.051.000.050)	-	(637.609.460.984)
- Quyền sử dụng đất	(60.601.002.265)	(8.535.962.559)	-	(69.136.964.824)
- Nhà cửa	(322.388.777.897)	(44.654.058.139)	-	(367.042.836.036)
- Cơ sở hạ tầng	(1.568.680.772)	(199.860.979.352)	-	(201.429.660.124)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	417.002.112.683	2.590.602.593.924	(23.395.794.361)	2.984.208.912.246
- Quyền sử dụng đất	195.196.523.543	5.796.356.004	(6.168.791.916)	194.824.087.631
- Nhà cửa	220.566.722.932	2.856.080.784	(12.490.446.865)	210.932.356.851
- Cơ sở hạ tầng	1.238.866.208	2.581.950.157.136	(4.736.555.580)	2.578.452.467.764

Bất động sản đầu tư chủ yếu bao gồm giá trị quyền sử dụng đất tại Cảng Cái Mép, tòa nhà Trung tâm Thông tin thương mại Hàng hải quốc tế Hà Nội tại số 1 Đào Duy Anh, Phường Kim Liên, Hà Nội và giá trị tòa nhà Vimadeco Building tại số 163 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh đang sử dụng để cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>121.449.727.627</b>	<b>79.824.461.633</b>
- Phí bảo hiểm	26.565.968.066	21.284.996.684
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	15.955.129.292	18.423.061.033
- Chi phí sửa chữa	23.962.319.685	14.618.279.026
- Các khoản khác	54.966.310.584	25.498.124.890
<b>Dài hạn</b>	<b>440.475.415.867</b>	<b>373.585.689.251</b>
- Lợi thế kinh doanh	1.583.710.038	1.598.764.474
- Tiền thuê đất trả trước	94.529.088.569	70.522.864.934
- Chi phí mua bảo hiểm	460.604.984	-
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	265.447.659.309	226.194.470.270
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	38.141.555.553	46.834.233.085
- Chi phí trước hoạt động	15.479.169.446	5.169.139.803
- Các khoản khác	24.833.627.968	23.266.216.685
	<b>561.925.143.494</b>	<b>453.410.150.884</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**17. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	<b>39.313.490.216</b>	<b>39.313.490.216</b>	<b>39.221.826.904</b>	<b>39.221.826.904</b>
- Dự án đầu tư xây dựng mới khu nhà ở cán bộ công nhân viên Cảng Sài Gòn - Giai đoạn 2	39.313.490.216	39.313.490.216	39.221.826.904	39.221.826.904
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>1.764.307.700.910</b>	<b>1.764.307.700.910</b>	<b>3.489.131.060.882</b>	<b>3.489.131.060.882</b>
- Mua sắm	92.432.906.637	92.432.906.637	45.369.904.529	45.369.904.529
- Xây dựng cơ bản	1.671.338.934.703	1.671.338.934.703	3.442.803.812.356	3.442.803.812.356
+ Dự án 02 bến container số 3,4 Cảng cửa ngõ Lạch Huyện (1)	1.183.973.593.202	1.183.973.593.202	3.154.812.152.209	3.154.812.152.209
+ Dự án đầu tư xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước (2)	36.695.791.482	36.695.791.482	30.056.053.743	30.056.053.743
+ Dự án trung tâm Logistics tại Hòa Vang	155.030.604.366	155.030.604.366	39.200.111.424	39.200.111.424
+ Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I (3)	38.248.404.217	38.248.404.217	42.404.035.793	42.404.035.793
+ Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II (4)	8.647.825.475	8.647.825.475	8.647.825.475	8.647.825.475
+ Dự án mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030 tại phường Hải Cảng	28.533.296.536	28.533.296.536	1.110.920.740	1.110.920.740
+ Dự án đầu tư xây dựng kho hàng chuyên dụng - Cảng Quy Nhơn	24.378.454.294	24.378.454.294	-	-
+ Dự án đầu tư hệ thống bàn nâng, băng tải và hệ thống điện	32.813.382.730	32.813.382.730	-	-
+ Dự án Cảng thủy nội địa Ninh Giang	29.327.227.846	29.327.227.846	742.459.476	742.459.476
+ Dự án khác	133.690.354.555	133.690.354.555	205.030.364.920	205.030.364.920
- Sửa chữa lớn	535.859.570	535.859.570	957.343.997	957.343.997
	<b>1.803.621.191.126</b>	<b>1.803.621.191.126</b>	<b>3.528.352.887.786</b>	<b>3.528.352.887.786</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**17. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN (TIẾP)**

- (1) Thông tin Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3, số 4 Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng;
  - Mục đích xây dựng: Đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội của thành phố Hải Phòng;
  - Địa điểm xây dựng: Khu bến Cảng Lạch Huyện thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng;
  - Tổng mức đầu tư: 6.946 tỷ VND;
  - Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: từ năm 2020 đến năm 2025.
  - Nguồn vốn đầu tư: Dự kiến vốn vay 55%, vốn chủ sở hữu 45%;
  - Quy mô của dự án: Xây dựng 02 bến cho tàu đến 100.000DWT (gần 8.000 teus) với tổng chiều dài 750m, rộng 50m; Bến xả lan dịch vụ với tổng chiều dài 250m (gồm cả 50m bề rộng của bến chính), rộng 15m cho cỡ tàu đến 3.000 DWT (gần 160 teus); Kè bảo vệ bờ; Hệ thống bãi chứa hàng, đường giao thông, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đồng bộ (đáp ứng sản lượng hàng hóa thông qua 1,0 - 1,1 triệu teus/năm) trên diện tích 47ha; Các thiết bị chính phục vụ khai thác: 06 cần trục STS trên bến chính; 24 RTG; 02 xe nâng RSD; 01 xe nâng rồng; 50 đầu kéo + rơ-mooc; 01 cầu trục xướng sửa chữa, 08 cần xe tại cổng cảng và phần mềm quản lý vận hành cảng TOS;

Đến thời điểm ngày 31/12/2025, dự án đã cơ bản hoàn thành các hạng mục chính, các hạng mục còn lại đang được hoàn thiện, đồng thời Công ty đang thực hiện các thủ tục phục vụ cho công tác nghiệm thu và bàn giao tài sản để đưa vào sử dụng.

(2) Thông tin chung về dự án

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước;
- Địa chỉ: D10C, Đường D3, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Mục đích: Phục vụ di dời Khu cảng Nhà Rồng - Khánh Hội của Cảng Sài Gòn theo Công văn số 1603/TTg-CN ngày 10/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành cho phép đầu tư các cảng trên sông Sài Gòn;
- Quy mô: 36,06 ha;
- Tổng vốn đầu tư: 2.777.258.048.000 đồng (theo Quyết định số 12/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 12/02/2015);
- Tình trạng của dự án: Dự án đã hoàn thành 800 m cầu cảng, 02 kho chứa hàng, 118.000 m<sup>2</sup> bãi chứa hàng và hiện vẫn đang trong quá trình vừa thi công, vừa xây dựng hoàn thiện các cơ sở hạ tầng còn lại, vừa kết hợp khai thác trên các hạng mục đã hoàn thành. Thời gian dự kiến hoàn thành dự án theo kế hoạch là đến hết năm 2025.
- Ngày 12/10/2022, Công ty đã có Tờ trình số 99/SPH-2022 gửi tới Hội đồng quản trị và đang trong quá trình chờ HĐQT phê duyệt dự toán điều chỉnh hạng mục chi phí quản lý. Theo đó, chi phí quản lý theo dự toán điều chỉnh có giá trị là 56.746.708.000 đồng.
- Đến thời điểm ngày 31/12/2025, giá trị xây dựng đã hoàn thành tạm tăng tài sản là 1.776.977.187.962 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**17. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN (TIẾP)**

(3) Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

- Mục đích xây dựng: San lấp mặt bằng 23,4 ha, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 230,3 tỷ VND
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2002 đến năm 2011, hiện tại đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu.
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2025: Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác đối với phần diện tích 9,5 ha (Công ty đã thực hiện tạm tăng tài sản). Đối với phần diện tích đất còn lại dự án mới thực hiện việc san lấp mặt bằng và xây dựng bờ kè, chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động của Cảng.

(4) Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

- Mục đích xây dựng: Xây dựng phát triển Cảng Cái Cui với công suất từ 4,0 - 4,5 triệu tấn/ năm, tiếp nhận tàu trọng tải đến 20.000DWT, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
  - Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
  - Tổng mức đầu tư: 829,8 tỷ VND
  - Thời gian bắt đầu triển khai: Từ năm 2009 và hiện tại đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu.
  - Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2025: Dự án mới triển khai được việc san lấp mặt bằng và thực hiện được một số hạng mục nhỏ.
- Theo quyết định số 57/QĐ-HHVN ngày 05/02/2013 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc giao tài sản và vốn của Dự án Cảng Cái Cui giai đoạn I và II cho Công ty TNHH MTV Cảng Cái Cui (sau này là Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ). Hiện tại, Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có điều kiện.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>36.666.097.394</b>	<b>36.666.097.394</b>	<b>26.364.572.900</b>	<b>26.364.572.900</b>
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	704.889.152	704.889.152	-	-
- Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	919.100.000	919.100.000	2.082.029.708	2.082.029.708
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	258.795.392	258.795.392	49.500.000	49.500.000
- Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA	1.479.807.093	1.479.807.093	-	-
- Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	721.455.949	721.455.949	787.722.782	787.722.782
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA	161.138.581	161.138.581	142.441.583	142.441.583
- Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	10.899.953.242	10.899.953.242	3.119.967.702	3.119.967.702
- Công ty CP Tàu lai cảng Đà Nẵng	11.617.824.720	11.617.824.720	9.826.865.009	9.826.865.009
- Công ty TNHH Cảng Công ten nơ Quốc tế Cái Lân	3.852.977.295	3.852.977.295	3.575.217.879	3.575.217.879
- Công ty Cổ phần HPH Logistic	53.638.200	53.638.200	239.620.463	239.620.463
- Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô	-	-	2.004.677.253	2.004.677.253
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Vosco	5.796.314.124	5.796.314.124	594.464.360	594.464.360
- Công ty LD DV container quốc tế cảng SG SSA	-	-	3.396.706.292	3.396.706.292
- Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò	195.745.406	195.745.406	-	-
- Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	-	-	404.263.266	404.263.266
- Công ty cổ phần Dịch vụ công nghiệp Hàng hải	-	-	141.096.603	141.096.603
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics	4.458.240	4.458.240	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (TIẾP)**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các bên khác</b>	<b>1.358.625.334.786</b>	<b>1.358.625.334.786</b>	<b>1.671.665.406.826</b>	<b>1.671.665.406.826</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư HB	41.723.945.000	41.723.945.000	-	-
- Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Á Châu	5.761.723.404	5.761.723.404	-	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển CNTT Hậu Giang	6.788.222.485	6.788.222.485	-	-
- Công ty cổ phần thiết bị và dịch vụ TCE	6.685.000.000	6.685.000.000	-	-
- Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu VNO	38.969.901.310	38.969.901.310	2.210.507.280	2.210.507.280
- Công ty TNHH MTV Vận tải Việt Thuận	32.487.722.532	32.487.722.532	-	-
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	32.067.142.734	32.067.142.734	32.067.142.734	32.067.142.734
- Tổng Công ty Xây dựng đường thủy - CTCP - Chi nhánh 01	24.205.404.807	24.205.404.807	16.665.309.635	16.665.309.635
- MITSUI E&S Co., Ltd	31.604.729.170	31.604.729.170	534.268.317.506	534.268.317.506
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	95.733.944.544	95.733.944.544	246.886.354.746	246.886.354.746
- Công ty Bảo Minh Thăng Long	11.151.174.241	11.151.174.241	-	-
- Công ty TNHH Hồng Phúc	19.395.198.700	19.395.198.700	4.433.597.500	4.433.597.500
- Công ty đóng tàu Bạch Đằng	72.806.298.515	72.806.298.515	72.806.298.515	72.806.298.515
- Công ty Cổ phần Thành Quân	8.742.158.779	8.742.158.779	-	-
- Các đối tượng khác	930.502.768.565	930.502.768.565	764.538.386.190	764.538.386.190
	<b>1.395.291.432.180</b>	<b>1.395.291.432.180</b>	<b>1.698.029.979.726</b>	<b>1.698.029.979.726</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	11.457.877.795	405.117.134.957	395.462.201.541	21.112.811.211
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	235.425.047	235.425.047	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	187.987.791.842	660.512.796.193	387.154.865.729	461.345.722.306
- Thuế thu nhập cá nhân	14.471.785.385	140.012.332.675	143.491.323.810	10.992.794.250
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	91.368.223.516	93.879.808.691	94.983.770.948	90.264.261.259
- Thuế bảo vệ môi trường	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản thuế phải nộp khác	4.230.611.672	88.667.523.263	85.588.292.419	7.309.842.516
	<b>309.516.290.210</b>	<b>1.388.428.020.826</b>	<b>1.106.918.879.494</b>	<b>591.025.431.542</b>

	01/01/2025	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	2.771.842.323	174.221.190	210.845.108	2.735.218.405
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.443.868.058	190.359.675	138.199.181	8.496.028.552
- Thuế thu nhập cá nhân	838.462.092	10.539.382.515	8.062.474.968	3.315.369.639
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	127.174.780.026	97.173.480.733	198.086.460.899	26.261.799.860
- Phí, lệ phí và các khoản thuế phải nộp khác	-	2.000.000	-	2.000.000
	<b>139.228.952.499</b>	<b>108.079.444.113</b>	<b>206.497.980.156</b>	<b>40.810.416.456</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**19. THUÊ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

(\*) Bao gồm:

- Cảng Sài Gòn tạm ước tính tiền thuê đất và thuê đất phải nộp tại khu vực Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội tính đến thời điểm Công ty ký thỏa thuận với Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô Thị Ngọc Viễn Đông ("Ngọc Viễn Đông") - chủ đầu tư dự án Khu Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội theo Quyết định chủ trương đầu tư số 6815/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 40.120.533.791 đồng. Công ty đã có nhiều văn bản trao đổi với cơ quan thuế Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến tiền thuê đất tại khu vực nêu trên và tính đến ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi cuối cùng từ cơ quan này.
- Cảng Sài Gòn tạm nộp tiền thuê đất cho giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020 tại Cảng Tân Thuận 1, Tân Thuận 2 (Tân Thuận Đông) theo các Thông báo của chi cục thuế Quận 7, cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 124.474.343.440 đồng. Số tiền này được cơ quan thuế xác định trên cơ sở sử dụng đơn giá thuê văn phòng để tính toán tiền thuê cho toàn bộ diện tích thuê. Tuy nhiên, phần lớn diện tích thuê được sử dụng làm cầu tàu và kho bãi với đơn giá thuê thấp hơn theo quy định hiện hành. Theo đó, Công ty đã có nhiều văn bản trao đổi với chi cục thuế Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan về việc xác định diện tích, đơn giá và mục đích sử dụng đối với diện tích đất đã thuê theo các thông báo nêu trên. Tuy nhiên, Công ty đều không nhận được phản hồi, vì vậy, Công ty đã thực hiện ghi nhận toàn bộ khoản thuê đất phải thu nói trên vào chi phí trong năm 2025.

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.054.627.921.655</b>	<b>2.313.842.060.507</b>
- Chi phí lãi vay tạm trích (*)	2.419.185.878.852	2.250.074.143.398
- Chi phí công trình công cộng khu nhà ở cán bộ công nhân viên cảng Sài Gòn	15.096.760.678	15.389.773.022
- Trích trước giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	586.826.395.759	6.798.753.561
- Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	14.106.747.116	-
- Thuế nhà đất phải trả	428.256.660	441.209.387
- Chi phí phải trả khác	18.708.926.043	41.138.181.139
<b>Dài hạn</b>	<b>13.904.306.662</b>	<b>13.882.563.322</b>
- Thuế nhà đất	13.454.306.662	13.882.563.322
- Chi phí phải trả khác	450.000.000	-
	<b>3.068.532.228.317</b>	<b>2.327.724.623.829</b>

(\*) Trong đó bao gồm khoản phải trả của Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy ("VFC") có số dư tại ngày 31/12/2025 bao gồm khoản vay bằng VND là 748.122.173.137 VND - gồm 376.608.218.984 VND và 16.728.423,67 USD (tại ngày 01/01/2025 là 321.225.583.789 VND và 16.728.423,67 USD). Theo thư xác nhận, thông báo lãi vay từ VFC thì khoản gốc và lãi vay mà VFC đang theo dõi phải thu Biển Đông nhiều hơn số Biển Đông đang phản ánh tại thời điểm 31/12/2025 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 67.863.415,56 USD. Đây là lãi vay liên quan đến khoản nợ gốc vay tài trợ cho dự án đóng tàu Container 1730 TEU V22 đã được bàn giao cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (xem thêm Thuyết minh số 8 - Phải thu khác và Thuyết minh số 24 - Vay và nợ thuê tài chính).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>205.746.164.157</b>	<b>25.249.417.363</b>
Doanh thu từ thuê kho, thuê mặt bằng	11.328.063.849	3.642.452.775
Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	9.455.786.729	4.267.032.584
Doanh thu từ hoạt động khai thác cảng biển	-	10.151.840.748
Doanh thu chưa thực hiện hoạt động thương mại	178.859.990.400	-
Doanh thu khác	6.102.323.179	7.188.091.256
<b>Dài hạn</b>	<b>148.206.565.356</b>	<b>44.734.415.104</b>
Doanh thu từ thuê kho, thuê mặt bằng	51.248.930.928	44.734.415.104
Doanh thu chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch góp vốn bằng TSCĐ	95.307.634.428	-
Doanh thu khác	1.650.000.000	-
	<b>353.952.729.513</b>	<b>69.983.832.467</b>

**22. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.536.119.179.125</b>	<b>1.542.820.618.819</b>
- Kinh phí công đoàn	9.949.803.807	10.041.294.296
- Bảo hiểm xã hội	141.773.310	376.559.352
Bảo hiểm y tế	20.023.284	93.893.825
- Bảo hiểm thất nghiệp	163.034.981	165.345.568
- Phải trả về cổ phần hóa	161.900.914.229	160.235.295.791
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	29.844.530.229	18.333.909.476
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.334.099.099.285	1.353.574.320.511
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.156.061.107	15.057.717.924
+ Lãi vay các Ngân hàng và các tổ chức khác (1)	945.415.369.487	944.405.253.421
+ Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu.	89.437.671.135	71.740.689.008
+ Thuế TNCN của người lao động chưa quyết toán	4.149.117.463	6.101.369.870
+ Chi phí đền bù di dời Cảng Hoàng Diệu (2)	73.656.708.400	94.020.613.821
+ Các khoản khác	206.284.171.693	222.248.676.467

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP**

Số 1 Đào Duy Anh, phường Kim Liên,

Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B09 – DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**22. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC (TIẾP)**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Dài hạn</b>	<b>2.325.139.746.868</b>	<b>2.381.238.467.846</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	52.495.380.538	104.315.719.784
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.272.644.366.330	2.276.922.748.062
- Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông tiền ứng vốn để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước (3)	850.000.000.000	850.000.000.000
- Phải trả Ngân sách Nhà nước tiền ứng trước để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước (4)	549.000.000.000	599.000.000.000
- Tạm tăng nguyên giá tàu (Lucky Star, Blue Star, Vosco Sunrise) (5)	487.172.201.784	487.172.201.784
- Tổng Công ty Công Nghiệp Tàu Thủy - Ứng vốn (6)	191.025.462.572	191.025.462.572
- Phải trả khác	195.446.701.974	149.725.083.706
	<b>3.861.258.925.993</b>	<b>3.924.059.086.665</b>
	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>01/01/2025 VND</b>
<b>Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan</b>	<b>3.193.638.680</b>	<b>6.372.497.620</b>
- Công ty TNHH LD Dịch vụ Container quốc tế cảng SG - SSA	-	4.455.468.624
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA	147.029.624	484.526.024
- Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	-	50.500.000
- Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải	1.085.063.376	224.573.843
- Công ty CP Tàu Lai Cảng Đà Nẵng	470.375.500	1.157.429.129
- Công ty CP Hàng hải Đông Đô	1.395.498.511	-
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Biển Đông	-	60.000.000
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	3.260.056	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	92.411.613	92.411.613

**(1) Trong đó bao gồm:**

- Khoản lãi vay phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Cần Thơ liên quan đến hợp đồng vay để đầu tư dự án xây dựng Nhà máy đóng tàu Hậu Giang, số tiền khoảng hơn 33,8 tỷ đồng. Sau thời gian khoan nợ theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ, khoản vay này tiếp tục được tính lại theo mức lãi suất công bố của Ngân hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***22. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC (TIẾP)**

- Khoản lãi vay phải trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (VFC) với giá trị hơn 28,6 tỷ đồng liên quan đến hợp đồng vay để đầu tư dự án xây dựng Nhà máy đóng tàu Hậu Giang theo danh mục dự án sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài 600 triệu USD quy định tại Quyết định số 1986/QĐ-CNT-TCKT ngày 26/06/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam với lãi suất 9,5%/năm, giá trị 30,1 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại Dự án Nhà máy đóng tàu Hậu Giang đã bị dừng vĩnh viễn theo văn bản số 403/TTg-KTN ngày 29/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Khoản nợ vay từ nguồn vay nước ngoài này được tái cơ cấu theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ với mức lãi suất ưu đãi và Công ty đang thực hiện trích với lãi suất 1,2%/năm. Giữa Công ty và VFC hiện nay vẫn chưa thống nhất mức lãi suất liên quan đến khoản nợ gốc vay của VFC từ khi có Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính Phủ. VFC chưa thực hiện tái cơ cấu nợ theo Nghị quyết mà vẫn đang tính cho Công ty ở mức lãi suất theo hợp đồng là 9,5%/năm, chênh lệch lãi lũy kế đến ngày 31/12/2025 là 76.196.255.415 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 67.676.841.205 đồng).
  - Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng vay phục vụ cho mục đích đầu tư các dự án đóng tàu với giá trị hơn 431,44 tỷ đồng.
- (2) Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng - Công ty con (Cảng Hải Phòng) nhận được từ UBND Quận Ngô Quyền số tiền hơn 319 tỷ đồng để đảm bảo thực hiện việc di dời cảng Hoàng Diệu theo các Quyết định số 3983/QĐ-UBND và 3984/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND Quận Ngô Quyền về việc thu hồi đất; Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 22/12/2023, 4274/QĐ-UBND ngày 28/12/2023, 347/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 và 2459/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của UBND Quận Ngô Quyền về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Trong đó, số tiền đền bù di dời tài sản là 94,4 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2025, số dư khoản chi phí đền bù di dời Cảng Hoàng Diệu là 73,6 tỷ đồng.
- (3) Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông (gọi tắt là Công ty Ngọc Viễn Đông) liên quan đến khoản ứng vốn từ Công ty Ngọc Viễn Đông theo nhu cầu vốn từ năm 2013 đến năm 2015 của Công ty CP Cảng Sài Gòn đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt để thi công và đưa vào khai thác liên quan đến dự án Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước giai đoạn 1 (nay thuộc quản lý của Công ty CP Cảng Sài Gòn Hiệp Phước - Công ty con của Tổng Công ty). Theo thỏa thuận bàn giao ngày 31/08/2017, Công ty Ngọc Viễn Đông đồng ý tạm bàn giao lại nguyên trạng cho Công ty tiếp tục quản lý, khai thác, kinh doanh tại khu Nhà Rong - Khánh Hội trong thời gian đầu tư xây dựng khu Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước chưa hoàn thành. Công ty có trách nhiệm hoàn tất việc di dời, xử lý tài sản với điều kiện Ngọc Viễn Đông hoàn tất các thủ tục pháp lý về đất đai và đồng thời trong khoảng thời gian này Công ty không phải chịu các chi phí có liên quan trong thời gian sử dụng đất (từ ngày 31/08/2017). Sau khi công tác di dời hoàn tất, việc quyết toán khoản tạm ứng vốn này sẽ được thực hiện giữa Công ty CP Cảng Sài Gòn, Bộ Tài chính và Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông.
- (4) Phải trả Ngân sách Nhà nước liên quan đến khoản Cảng Sài Gòn nhận ứng trước từ Ngân sách Nhà nước năm 2009 và 2010 để phục vụ đầu tư dự án xây dựng Cảng Sài Gòn- Hiệp Phước, thuộc quản lý của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước- Công ty con của Công ty. Theo quyết định số 46/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 06 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, khoản ứng trước vốn này sẽ phải hoàn trả cho Ngân sách Nhà nước khi công tác xây dựng dự án Cảng Sài Gòn- Hiệp Phước hoàn tất. Đến thời điểm hiện tại, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng. Trong năm 2025, Cảng Sài Gòn đã hoàn trả 50 tỷ đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***22. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC (TIẾP)**

- (5) Khoản tạm trích để tăng TSCĐ tại Công ty CP Vận tải Biển Việt Nam. Công ty đang hoàn thiện hồ sơ để quyết toán nguyên giá tàu Lucky Star, Blue Star và Vosco Sunrise với các khoản trả trước cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng và Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu.
- (6) Khoản phải trả cho Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (SBIC) về các nghiệp vụ nhận cấp vốn có tính lãi hoạt động trong giai đoạn từ khi thành lập đến năm 2009 liên quan đến hoạt động đầu tư Dự án Nhà máy đóng tàu Hậu Giang. Dự án này đã bị dừng vĩnh viễn theo Công văn số 403/TTg-KTN của Thủ tướng Chính phủ ngày 29 tháng 03 năm 2012. Lãi phát sinh liên quan đến khoản nợ này đã được tái cơ cấu là xóa lãi phát sinh theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ. Đến thời điểm 31/12/2025, SBIC vẫn chưa thực hiện theo Nghị quyết của Chính Phủ nêu trên và vẫn thực hiện thông báo lãi cho Công ty hàng năm.

**23. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ****Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
	405.529.213.133	468.876.542.109
	<b>405.529.213.133</b>	<b>468.876.542.109</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị đầu năm	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị cuối năm	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.280.673.986.345</b>	<b>1.280.673.986.345</b>	<b>1.023.523.175.317</b>	<b>846.964.871.482</b>	<b>1.457.232.290.180</b>	<b>1.457.232.290.180</b>
Vay ngắn hạn	117.729.150.726	117.729.150.726	684.717.012.533	707.803.201.380	94.642.961.879	94.642.961.879
Vay dài hạn đến hạn trả	1.162.944.835.619	1.162.944.835.619	338.806.162.784	139.161.670.102	1.362.589.328.301	1.362.589.328.301
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.999.549.682.841</b>	<b>1.999.549.682.841</b>	<b>3.829.438.012.858</b>	<b>1.819.371.770.197</b>	<b>3.996.077.081.710</b>	<b>3.996.077.081.710</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.280.223.669.186</b>	<b>3.280.223.669.186</b>	<b>4.852.961.188.175</b>	<b>2.666.336.641.679</b>	<b>5.453.309.371.890</b>	<b>5.453.309.371.890</b>

**Vay ngắn hạn**

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2025
Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (1)	USD	Theo từng hợp đồng	Tín chấp	59.080.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	Theo từng hợp đồng	Thế chấp	1.063.694.937.856
Vay ODA đến hạn trả (3)	USD	Theo từng hợp đồng	Tín chấp	24.562.190.653
Vay các đối tượng khác	VND	Theo từng hợp đồng	Thế chấp, tín chấp	309.895.161.671
				<b>1.457.232.290.180</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Vay dài hạn**

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2025
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	Theo từng hợp đồng	Thế chấp, tín chấp	237.558.719.650
Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (1)	USD	Theo từng hợp đồng	Tín chấp	47.998.584.837
PSA VietNam Pte.Ltd (2)	USD	Theo lãi suất Sofr	Tín chấp	443.924.910.000
Vay dài hạn ODA (3)	USD	Theo từng hợp đồng	Tín chấp	460.128.839.474
Quỹ đầu tư phát triển Thành phố Đà Nẵng	VND	Theo từng hợp đồng	Tín chấp	229.733.400.000
Vay các đối tượng khác	VND	Theo từng hợp đồng	Thế chấp, tín chấp	2.576.732.627.749
				<b>3.996.077.081.710</b>

**(1) Trong đó bao gồm:**

- Khoản vay của Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông (Biển Đông) với Công ty tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (VFC) có số dư tại ngày 31/12/2025 là 59.080.000.000 VND (tại ngày 01/01/2025 là 59.080.000.000 VND). Theo thư xác nhận, thông báo lãi vay từ VFC thì khoản gốc và lãi vay mà VFC đang theo dõi phải thu Biển Đông nhiều hơn số Biển Đông đang phản ánh tại thời điểm 31/12/2025 lần lượt là 28.667.314,67 USD và 67.863.415,56 USD (tương ứng là chênh lệch các khoản lãi vay phát sinh từ món này – Thuyết minh 17). Đây là khoản nợ gốc và lãi phát sinh từ khoản vay tài trợ cho Dự án đóng tàu Container 1730 TEU V22 đã được bàn giao cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (“Bạch Đằng”). Cụ thể, thực hiện Nghị quyết số 317/NQ-CNTT ngày 23/11/2015 của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu Thủy Việt Nam về việc Phê duyệt nội dung điều chuyển đối tượng nhận nợ từ nguồn ủy thác của Tổng Công ty tại Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy liên quan đến điều chuyển Dự án đầu tư đóng mới tàu 1.730 TEU - V22 từ Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông sang Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng và Biên bản bàn giao ký này 05/08/2015 giữa Công ty với Bạch Đằng, Biển Đông đã bàn giao Dự án này, các khoản nợ gốc vay và lãi vay liên quan sang cho Bạch Đằng từ ngày 05/08/2015. Tuy nhiên, VFC chưa thực hiện chuyển đối tượng nợ mà vẫn theo dõi nợ gốc và tính lãi vay phát sinh sau thời điểm 05/08/2015 cho Biển Đông nên xảy ra tình trạng chênh lệch nợ gốc và lãi tại thời điểm lập báo cáo tài chính nêu trên.
- Khoản vay VFC để thực hiện các dự án đầu tư của Công ty TNHH MTV Nhà máy Đóng tàu Hậu Giang theo danh mục dự án sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài 600 triệu USD quy định tại Quyết định số 1986/QĐ-CNT-TCKT ngày 26/06/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn ân hạn 02 năm. Số dư nhận nợ bằng tiền VND gốc vay ban đầu được các bên thống nhất quy đổi sang USD là 1.970.144,91 USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay này được tái cơ cấu theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ. Công ty đã thanh toán trả cho VFC lũy kế đến thời điểm 31/12/2025, số tiền 3,5 tỷ VND quy đổi tương đương 146.133,96 USD. Thông qua Thỏa thuận tái cấu trúc Vinashin, toàn bộ số tiền nợ đã được các chủ nợ thống nhất sẽ được lùi thời hạn trả đến 30/12/2025 với lãi suất 1%/năm được tính vào cuối kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**(2) Chi tiết khoản vay:**

- PSA Viet Nam Pte.Ltd, Công ty CP Cảng Sài Gòn và Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP là cổ đông góp vốn của Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA. Các cổ đông đã đồng ý cho Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA (“SP-PSA”) vay theo hợp đồng vay cổ đông ngày 26/08/2008 với tổng giá trị khoản vay là 33.000.000 USD bao gồm: Đợt A có giá trị là 28.196.202,53 USD và Đợt B có giá trị là 4.803.797,47 USD. PSA Viet Nam Pte.Ltd đã ứng trước toàn bộ khoản cho vay này, Tổng công ty và Cảng Sài Gòn sẽ nhận nợ với PSA Viet Nam Pte.Ltd, tổng số gốc vay 16.830.000 USD (4.950.000 USD tại Tổng Công ty và 11.880.000 USD tại Cảng Sài Gòn, tương ứng với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 15% và 36% tại SP-PSA).
- Mục đích vay: để Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA chi trả cho chi phí dự án phát triển, thiết kế, kỹ thuật, mua sắm các vật liệu và thiết bị, xây dựng, vận hành, lắp đặt, hoàn tất, tài trợ, hoạt động, bảo trì, tiếp thị, thay thế và sửa chữa cảng container 2 cầu cảng tại Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bao gồm Cầu cảng 600 mét và một số máy cầu cầu cảng.
- Lãi suất cho vay áp dụng theo Hợp đồng vay cổ đông được tính theo lãi suất Libor 6 tháng, từ ngày 16/12/2023, phía PSA thông báo lãi suất áp dụng được tạm tính theo lãi suất Sofr (lãi suất qua đêm có bảo lãnh).
- Theo quy định của hợp đồng phụ (ký ngày 26/5/2008 giữa SP-PSA, các cổ đông và Calyon), toàn bộ các khoản nợ mà Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA và các cổ đông không ứng trước còn nợ sẽ được Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA hoàn trả ngay khi có yêu cầu của các Cổ đông hay các Cổ đông ứng trước. Ngoài ra, theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn cổ đông thì toàn bộ cổ tức và các khoản được phân chia khác (cho Tổng công ty và Cảng Sài Gòn nếu có) theo Hợp đồng liên doanh hay Điều lệ sẽ được ưu tiên để trả gốc vay (và lãi lũy kế) cho đến khi thanh toán hết khoản vay này. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty và Cảng Sài Gòn vẫn đang tiếp tục làm việc với các bên để thống nhất ký lại phụ lục hợp đồng và cơ sở tính số lãi phải thu và lãi phải trả tương ứng.

**(3) Bao gồm:**

- Số dư vay theo hợp đồng vay số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 ký giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hải Phòng và Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), mục đích vay đầu tư thiết bị đối với dự án “Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II”, không có tài sản đảm bảo, lãi suất 1,3%/năm, kỳ trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 20/08/2029. Tại thời điểm 30/06/2025, số dư nợ vay gốc Yên Nhật là: 705.855.150 JPY (tương đương 122.112.940.950 VND); Nợ dài hạn đến hạn trả là: 156.856.700,00 JPY (tương đương 26.358.199.868 VND).
- Giá trị nhận nợ liên quan đến các tài sản là cầu cảng số 04, số 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản mục chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị được ghi nhận căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải (Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT) với số tiền 383,3 tỷ VND.  
Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT và Biên bản về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được ký giữa Tổ công tác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VNĐ (bao gồm 342,1 tỷ VNĐ là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng, và 41,2 tỷ VNĐ là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Đến thời điểm hiện tại, phương án vay và trả nợ vay (thời hạn vay, phương án trả nợ, lãi suất vay và các điều khoản đảm bảo), cũng như đồng tiền nhận nợ (Việt Nam Đồng hay Yên Nhật) chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt tại thời điểm nhận nợ, vì thế, Công ty tạm ghi nhận các khoản vay này bằng Việt Nam Đồng và thực hiện trích trước chi phí lãi vay cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến thời điểm 31/12/2019 với lãi suất 9,5%/năm, cộng thêm chi phí cho vay lại là 0,2%/năm. Trong năm 2020, theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty đã tạm dừng trích chi phí lãi vay kể từ đầu năm 2020.

Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và đồng ý chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004. Cụ thể, lãi suất cho vay lại bằng Yên Nhật là 1,5%/năm. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết).

Ngày 11/11/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 7642/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành yêu cầu Bộ GTVT chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các phương án, thống nhất một phương án xử lý, quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ, đảm bảo phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý khai thác cầu cảng và tuân thủ theo quy định của Pháp luật liên quan.

Bộ GTVT đã có văn bản số 10882/BGTVT-TC ngày 28/9/2023 gửi Bộ Tài chính tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018), trong đó Bộ GTVT có đề xuất bổ sung nội dung trong điều khoản chuyển tiếp của Nghị định để trong trường hợp đề xuất được thông qua sẽ giải quyết được hình thức quản lý tài sản, tức là tài sản bến số 4,5 Cảng Chùa Vẽ được giao cho Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác (không phải cho thuê). Ngày 24/12/2024, Văn phòng Chính phủ đã có thông báo số 569/TB-VPCP về việc kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại cuộc họp tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ về Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Theo đó, Phó Thủ tướng thống nhất về việc không quy định xử lý chuyển tiếp trong Nghị định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ nguồn vốn Nhà nước, đồng thời giao Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính khẩn trương báo cáo phương án xử lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**25.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển thuộc VCSH	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	12.005.880.000.000	10.945.029.557	82.963.929.693	(3.190.407.830.469)	40.796.738.792	2.086.664.356.714	92.227.504	(241.969.636.062)	4.571.350.235.856	15.366.315.051.585
- Lãi(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	-	-	2.021.014.444.818	608.814.309.525	2.629.828.754.343
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	804.518.060.719	-	(981.975.773.047)	(49.132.408.874)	(226.590.121.202)
- Biến động VCSH trong công ty liên kết	-	-	-	-	67.702.599.430	-	-	-	-	67.702.599.430
- Thoái vốn công ty liên kết	-	-	-	(13.230.000.000)	-	-	-	-	-	(13.230.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(46.326.570.024)	(81.781.939.109)	(128.108.509.133)
- Giảm khác	-	(10.200.000.000)	(9.722.785.158)	(2)	-	41.982.976.881	(1)	(153.913.912.619)	(147.366.440.881)	(279.220.161.780)
31/12/2024	12.005.880.000.000	745.029.557	73.241.144.535	(3.203.637.830.471)	108.499.338.222	2.933.165.394.314	92.227.503	596.828.553.066	4.901.883.756.517	17.416.697.613.243
01/01/2025	12.005.880.000.000	745.029.557	73.241.144.535	(3.203.637.830.471)	108.499.338.222	2.933.165.394.314	92.227.503	596.828.553.066	4.901.883.756.517	17.416.697.613.243
- Tăng vốn trong năm	-	(153.714.714)	-	-	-	-	-	-	(12.351.682)	(166.066.396)
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	1.946.960.410.410	694.632.252.266	2.641.592.662.676
- Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-	565.160.817.313	-	(863.552.276.938)	(244.663.365.365)	(543.054.824.990)
- Biến động VCSH trong công ty liên kết	-	-	-	-	(16.990.519.483)	-	-	-	-	(16.990.519.483)
- Chia cổ tức trong	-	-	-	-	-	-	-	-	(166.610.022.358)	(166.610.022.358)
- Tăng/Giảm khác	-	-	518.979.764	-	-	(793.870.740)	-	(50.989.775.925)	54.155.420.429	2.890.753.528
31/12/2025	12.005.880.000.000	591.314.843	73.760.124.299	(3.203.637.830.471)	91.508.818.739	3.497.532.340.887	92.227.503	1.629.246.910.613	5.239.385.689.807	19.334.359.596.220

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**25.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	11.942.133.000.000	99,47%	11.942.133.000.000	99,47%
Vốn góp của cổ đông khác	63.747.000.000	0,53%	63.747.000.000	0,53%
	<b>12.005.880.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>12.005.880.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**25.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
+ Vốn góp đầu năm	-	-
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2025	01/01/2025
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
USD	71.774.795,84	54.396.030,11
EUR	2.766,11	6.111,73
JPY	45.593,00	44.000,00
RUB	4.890,00	2.016.869,46
<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>	<b>47.978.313.903</b>	<b>47.978.313.903</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng	5.289.816.360.866	4.307.603.925.955
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.739.849.290.409	12.662.115.145.181
+ Doanh thu vận tải	4.553.778.061.563	4.473.051.188.004
+ Doanh thu dịch vụ khai thác dịch vụ cảng biển và dịch vụ hàng hải	8.346.329.625.730	7.686.709.404.664
+ Doanh thu khai thác tòa nhà cho thuê văn phòng, kho bãi	622.383.654.841	345.058.353.334
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	217.357.948.275	157.296.199.179
<b>Cộng</b>	<b>19.029.665.651.275</b>	<b>16.969.719.071.136</b>

**28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.271.482.474.483	4.250.969.858.767
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.270.538.507.316	9.897.050.422.360
+ Giá vốn dịch vụ vận tải	4.200.477.187.092	4.029.551.798.937
+ Giá vốn từ hoạt động khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải	5.564.473.647.693	5.438.750.405.749
+ Giá vốn cho thuê văn phòng, khai thác	307.857.035.752	313.482.677.004
+ Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	197.730.636.779	115.265.540.670
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(134.301.850)
	<b>15.542.020.981.799</b>	<b>14.147.885.979.277</b>

**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	318.286.942.241	464.476.358.397
Lãi bán các khoản đầu tư	49.307.995.039	62.425.431.766
Cổ tức, lợi nhuận được chia	33.650.290.474	36.214.959.243
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	127.994.707.274	206.026.148.452
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	27.459.771.660	77.901.052.806
Các doanh thu tài chính khác	64.514.542.935	9.545.701.692
	<b>621.214.249.623</b>	<b>856.589.652.356</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	267.782.572.860	372.851.242.087
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	59.077.902.775	147.479.228.103
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	79.789.707.124	22.769.984.116
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	77.331.550	72.322.918.476
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.109.250.080	1.420.446.897
	<b>407.836.764.389</b>	<b>616.879.088.999</b>

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	15.431.104.818	14.960.771.459
Chi phí vật liệu, dụng cụ	15.698.148	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.017.359	166.066.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.497.200.296	95.251.334.265
Chi phí bằng tiền khác	29.159.695.866	27.935.032.088
	<b>166.250.716.487</b>	<b>138.313.204.379</b>

**32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ đồ dùng	33.952.647.433	32.570.875.837
Chi phí nhân công	817.414.350.911	757.978.711.994
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	48.911.740.121	42.274.643.413
Thuế, phí và lệ phí	24.089.187.502	32.950.862.532
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(18.840.412.380)	26.827.030.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài	197.114.241.383	143.816.754.698
Chi phí bằng tiền khác	339.248.057.699	306.935.911.803
	<b>1.441.889.812.669</b>	<b>1.343.354.790.920</b>

**33. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	759.435.233.519	720.352.895.601
Lãi vay được xóa, cơ cấu nợ vay	132.771.400	382.276.365.958
Thu nhập từ tiền bồi thường & bảo hiểm	10.870.737.938	8.011.971.036
Tiền thuê đất được giảm	6.801.926.432	2.381.495.145
Thu nhập từ đánh giá lại tài sản để góp vốn	97.553.032.333	25.201.964.037
Các khoản thu nhập khác	33.536.856.492	38.348.124.352
	<b>908.330.558.114</b>	<b>1.435.448.737.979</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**34. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá trị còn lại và chi phí từ thanh lý, nhượng bán	146.296.296	3.154.470.854
Chi phí khấu hao, lãi vay và chi phí khác dự án Nhà máy đóng tàu Hậu Giang	16.182.797.303	19.544.026.993
Tiền phạt, truy thu tiền thuế, phạt hành chính	3.784.171.976	19.872.192.501
Các khoản khác	199.761.788.229	36.649.539.422
	<b>219.875.053.804</b>	<b>79.220.229.770</b>

**35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	1.946.960.410.410	2.021.014.444.818
Lợi nhuận/ (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.946.960.410.410	2.021.014.444.818
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	1.200.588.000	1.200.588.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>1.622</b>	<b>1.683</b>

**36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ đồ dùng	1.844.693.513.971	1.954.586.181.564
Chi phí nhân công	2.951.810.461.641	2.844.440.962.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.422.822.222.755	1.525.135.144.321
Thuế, phí và lệ phí	41.139.449.824	77.273.557.442
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(18.840.412.380)	83.274.790.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.450.853.162.099	4.142.667.332.614
Chi phí bằng tiền khác	1.239.509.896.860	960.415.809.885
	<b>11.931.988.294.770</b>	<b>11.587.793.779.496</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**37. THÔNG TIN KHÁC**

**37.1 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	Hoạt động dịch vụ vận tải	Hoạt động dịch vụ cảng biển	Hoạt động cho thuê văn phòng, kho bãi	Hoạt động bán hàng	Hoạt động khác	Tổng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn Tổng Công ty
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.540.656.836.952	8.346.329.625.730	622.383.654.841	5.289.816.360.866	217.357.948.275	19.016.544.426.664	-	19.016.544.426.664
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	340.179.649.860	2.781.855.978.037	314.526.619.089	18.333.886.383	19.627.311.496	3.474.523.444.865	-	3.474.523.444.865
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	-	-	-	9.225.029.475.639	-	9.225.029.475.639
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	46.235.574.336.770	(10.683.294.796.795)	35.552.279.539.976
<b>Tổng tài sản</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>46.235.574.336.770</b>	<b>(10.683.294.796.795)</b>	<b>35.552.279.539.976</b>
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	16.387.474.842.100	(169.554.898.344)	16.217.919.943.756
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.387.474.842.100</b>	<b>(169.554.898.344)</b>	<b>16.217.919.943.756</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**37.1 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Hoạt động dịch vụ vận tải	Hoạt động dịch vụ cảng biển	Hoạt động cho thuê văn phòng, kho bãi	Hoạt động bán hàng	Hoạt động khác	Tổng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn Tổng Công ty
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.464.580.297.333	7.686.709.404.664	345.058.353.334	4.307.603.925.955	157.296.199.179	16.961.248.180.465	-	16.961.248.180.465
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	435.028.498.396	2.247.958.998.915	31.575.676.330	56.634.067.188	42.030.658.509	2.813.227.899.338	-	2.813.227.899.338
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	-	-	-	1.647.389.847.866	-	1.647.389.847.866
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	-	41.268.985.470.141	(10.844.014.837.152)	30.424.970.632.989
<b>Tổng tài sản</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>41.268.985.470.141</b>	<b>(10.844.014.837.152)</b>	<b>30.424.970.632.989</b>
Nợ phải trả không phân bổ						13.187.994.980.386	(179.721.960.640)	13.008.273.019.746
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.187.994.980.386</b>	<b>(179.721.960.640)</b>	<b>13.008.273.019.746</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****37.2 BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh bên trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Doanh thu với bên liên quan</b>			
- Công ty CP Tàu lai Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	8.767.742.499	8.435.029.031
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	Công ty liên kết	77.573.193.328	96.899.754.005
- Công ty CP Đại lý tàu biển và Logistics Vosco	Công ty liên kết	13.073.687.181	13.009.750.081
- Công ty CP Cảng Khuyến Lương	Công ty liên kết	2.037.037	-
- Công ty CP Vận tải biển và hợp tác lao động quốc tế	Công ty liên kết	1.278.555.119	1.021.862.985
- Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	Công ty liên kết	4.670.817.963	7.890.492.841
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	Công ty liên kết	976.977.825	822.685.326
- Công ty CP Tiếp vận Biển Đông	Công ty liên kết	16.938.092.623	8.591.845.361
- Công ty Cổ phần Vận tải & Thuê tàu biển Việt Nam	Công ty liên kết	116.984.848	6.666.666
- Công ty TNHH Honda Logistics Việt Nam	Công ty liên kết	9.120.145.356	11.040.238.594
- Công ty CP Hàng hải Đông Đô	Công ty liên kết	44.916.894	214.963.812
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	Công ty liên kết	26.606.581.060	4.109.572.165
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ	Công ty liên kết	911.496.853	963.915.532
- Công ty LD Dịch vụ Container quốc tế cảng SG - SSA	Công ty liên kết	100.971.059.271	145.188.213.402
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	Công ty liên kết	3.912.665.471	562.593.870
- Công ty TNHH TNHH KM Cargo Services Hải Phòng		20.770.000	-
- Công ty CP Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết	297.773.942	270.564.659
- Công ty TNHH NYK Autologic Việt	Công ty liên kết	9.968.126.300	56.227.000
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	Công ty liên kết	42.453.333	
- Công ty Cổ phần Cảng tổng hợp Thị Vải	Công ty liên kết	58.600.000	723.900.000
- Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	36.657.937.420	37.552.831.960
- Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng hải VIMC - ARIES	Công ty liên kết	304.105.903	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	Công ty liên kết	134.360.115.150	-
- Công ty CP Hàng hải Sài Gòn	Công ty liên kết	-	285.018.530
- Công ty CP HPH Logistic	Công ty liên kết	6.142.532.634	4.869.927.135
- Công ty CP Tân cảng Quy Nhơn	Công ty liên kết	-	69.774.000
		<b>452.817.368.010</b>	<b>342.585.826.955</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**37.2 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Chi phí với bên liên quan</b>			
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	Công ty liên kết	2.538.604.751	50.800.000
- Công ty CP Hàng hải Đông Đô	Công ty liên kết	-	595.801.333
- Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	Công ty liên kết	5.282.393.926	1.175.655.484
- Công ty CP Vận tải biển và hợp tác lao động quốc tế	Công ty liên kết	8.675.556	-
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	Công ty liên kết	-	5.271.420.000
- Công ty LD Dịch vụ Container quốc tế cảng SG - SSA	Công ty liên kết	3.934.888.115	339.436.457
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA	Công ty liên kết	3.790.583.000	53.776.589.788
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	Công ty liên kết	2.411.571.637	11.612.704.851
- Công ty CP Đại lý tàu biển và Logistics Vosco	Công ty liên kết	1.964.527.318	2.103.662.643
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ	Công ty liên kết	34.676.712.865	30.703.888.599
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	Công ty liên kết	1.236.704.228	106.549.226
- Công ty CP Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết	136.000.000	54.400.000
- Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	Công ty liên kết	7.774.491.915	9.054.368.747
- Công ty Cổ phần Cảng tổng hợp Thị Vải	Công ty liên kết	341.863.350	3.660.399.703
- Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	81.151.979.938	79.997.995.168
- Công ty CP Tàu Lai Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	84.964.993.791	81.152.772.450
- Công ty CP Hàng hải Sài Gòn	Công ty liên kết	-	154.600.186
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	Công ty liên kết	16.034.807.898	245.274.400
- Công ty CP HPH Logistic	Công ty liên kết	386.457.466	552.152.527
- Công ty CP Tân cảng Quy Nhơn	Công ty liên kết	-	31.857.210.000
- Công ty cổ phần Dịch vụ công nghiệp hàng hải	Công ty liên kết	-	255.761.436
- Công ty TNHH TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	Công ty liên kết	69.545.364	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	Công ty liên kết	61.260.000	-
- Công ty TNHH NYK Autologic Việt	Công ty liên kết	10.350.000	-
		<b>246.776.411.118</b>	<b>312.721.442.998</b>

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP**Số 1 Đào Duy Anh, phường Kim Liên,  
Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B09 – DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****37.2 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Thu nhập của người quản lý chủ chốt:

	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		15.817.458.424	13.659.385.250
Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị đến ngày 09/07/2025 Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc từ ngày 09/07/2025	2.106.351.272	1.636.113.506
Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc đến ngày 09/07/2025 Chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 09/07/2025	1.894.678.628	1.627.289.353
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên HĐQT	1.471.689.668	1.305.366.516
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên HĐQT	1.471.689.668	1.303.244.516
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên HĐQT	1.491.931.668	1.266.520.968
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	1.470.331.468	1.234.966.487
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	1.393.276.508	1.230.466.487
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng giám đốc	1.339.939.508	1.201.769.519
Ông Lương Đình Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	1.335.061.048	1.195.023.753
Bà Phan Thị Nhị Hà	Kiểm soát viên	930.665.088	843.122.955
Ông Phạm Cao Nhuệ	Kiểm soát viên	911.843.900	815.501.190

**37.3 THÔNG TIN KHÁC***Thông tin liên quan đến cổ phần hóa*

Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng Công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng Công ty đã hoàn thành hồ sơ và đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo có thể thay đổi theo ý kiến của các cấp có thẩm quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****37.3 THÔNG TIN KHÁC**

*Thông tin liên quan đến các tài sản thuộc cầu cảng số 04, số 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ*

Tại ngày 31/12/2025, số liệu tại chỉ tiêu “Tài sản cố định hữu hình” (mã số 221) bao gồm các tài sản thuộc cầu cảng số 04, số 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng – công ty con của Tổng Công ty (“Cảng Hải Phòng”) với tổng nguyên giá 279,7 tỷ đồng và giá trị còn lại 133,81 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành các tài sản này được ghi nhận tại chỉ tiêu “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn” (mã số 338) với giá trị 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Ngày 4/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Theo đó, Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản số 12000/BXD-KHTC ngày 21/10/2025 đề nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) nghiên cứu, rà soát các phương thức khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ bảo đảm phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý, khai thác các cầu cảng và tuân thủ quy định pháp luật. Đồng thời, Bộ Xây dựng yêu cầu Ban Quản lý dự án cảng Hải Phòng nghiên cứu ý kiến của Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 3878/CHP-TCKT ngày 19/09/2025 về phân bổ chi phí cho gói thiết bị.

Trên cơ sở chỉ đạo này, Tổng Công ty đã yêu cầu Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Cảng Hải Phòng nghiên cứu, rà soát xây dựng phương án khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ. Trên cơ sở ý kiến của Cảng Hải Phòng, đánh giá ưu, nhược điểm của từng phương án, VIMC đã có Văn bản số 1753/HHVN-TCKT ngày 06/11/2025 báo cáo Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về các phương án quản lý khai thác tài sản bến số 4, số 5 Cảng Chùa Vẽ.

Theo nội dung buổi làm việc ngày 29/12/2025 giữa Bộ Xây dựng, Tổng Công ty và Cảng Hải Phòng, trên cơ sở đề xuất của Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 5222/CHP-TCKT ngày 31/12/2025 về phương án xử lý tài sản bến số 4, bến số 5 Cảng Chùa Vẽ, VIMC đã có văn bản số 16/HHVN-TCKT ngày 08/01/2026 trình Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam cập nhật nội dung liên quan đến phương án xử lý các tài sản nêu trên.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, cơ quan quản lý nhà nước chưa ban hành quyết định về hình thức quản lý đối với cầu cảng số 04, số 05 và bãi container thuộc Bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Căn cứ Điều 55 Luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 quy định văn bản pháp luật không được áp dụng hiệu lực trở về trước trong trường hợp phát sinh trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà tại thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật chưa quy định trách nhiệm pháp lý, việc ghi nhận chính thức tài sản và chi phí liên quan đến cầu cảng số 4 và số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ sẽ được thực hiện khi cơ quan quản lý nhà nước ban hành quyết định chính thức về hình thức quản lý đối với các tài sản này.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP**  
Số 1 Đào Duy Anh, phường Kim Liên,  
Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B09 – DN/HN**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



**Vũ Thị Thanh Duyên**

Trưởng ban TCKT



**Lê Duy Dương**

Tổng Giám đốc



**Lê Anh Sơn**